



CÔNG BÁO

Tỉnh Thái Nguyên

Số 58+59

Ngày 25 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

06-12-2023	Nghị quyết số 93/NQ-HĐND về việc xác nhận kết quả bầu bổ sung Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.	3
08-12-2023	Nghị quyết số 94/NQ-HĐND về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2024	6
08-12-2023	Nghị quyết số 95/NQ-HĐND thông qua kết quả giám sát công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giai đoạn 2017 - 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	20
08-12-2023	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND thông qua Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026	54
08-12-2023	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND thông qua kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới trước và sau Kỳ họp thứ mười ba; các ý kiến, kiến nghị của cử tri tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên	59
08-12-2023	Nghị quyết số 98/NQ-HĐND thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh "Giám	93

sát việc thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn
tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025”

08-12-2023

Nghị quyết số 99/NQ-HĐND phê chuẩn quyết toán
ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2022

96

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 93/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc xác nhận kết quả bầu bổ sung Ủy viên Ủy ban nhân dân
tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 115/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ kết quả tại Biên bản kiểm phiếu bầu bổ sung Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả bầu bổ sung Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông có tên sau:

1. Ông Phạm Quang Anh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên.
2. Ông Đặng Văn Huy, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

(Có lý lịch trích ngang kèm theo)

Điều 2. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các ông có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười sáu thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG
ỦY VIÊN ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, NHIỆM KỲ 2021 - 2026

(Kèm theo Nghị quyết số:93 /NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Chức vụ hiện đang đảm nhiệm	Ngày vào Đảng	Ngày vào Đảng chính thức	Trình độ đào tạo		
									Giáo dục phổ thông	Lý luận chính trị	Chuyên môn cao nhất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Phạm Quang Anh	09/01/1977	Nam	Kinh	Xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên	09/02/2007	09/02/2008	12/12	Cao cấp	Thạc sĩ
2	Đặng Văn Huy	03/8/1973	Nam	Kinh	Phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên	04/7/1995	04/7/1996	12/12	Cao cấp	Thạc sĩ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 94/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;
mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2024**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Sau khi nghe Báo cáo số 263/BC-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024;

Xét Tờ trình số 164/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 nêu trong báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại kỳ họp.

Điều 2. Thông qua mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của tỉnh Thái Nguyên với các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu sau:

I. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu

1. Mục tiêu

Tập trung chỉ đạo, ưu tiên triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh, nhất là trong lĩnh vực thu hút các nguồn lực đầu tư, sản xuất kinh doanh tạo sự chuyển dịch về tăng trưởng giá trị thương mại, dịch vụ. Tăng cường đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng nhằm tạo ra những động lực đột phá để tăng trưởng kinh tế như: Hạ tầng các khu, cụm công nghiệp và dịch vụ du lịch các tuyến giao thông kết nối phát triển kinh tế vùng, các khu vực tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với phát triển bền vững; phối hợp chặt chẽ với các bộ, ban, ngành Trung ương và tăng cường hợp tác với các tổ chức trong nước, quốc tế để triển khai hiệu quả kế hoạch tăng trưởng xanh, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường bền vững của tỉnh.

Chấp hành nghiêm các quy định pháp luật và quy chế làm việc trong tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ; nêu cao tinh thần, thái độ, trách nhiệm thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tăng cường thu hút đầu tư toàn xã hội; tập trung thu hút các nhà đầu tư chiến lược trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên; tăng cường công tác chuyển đổi số và tạo điều kiện tốt nhất nhằm thúc đẩy hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Quan tâm phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đẩy mạnh công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế; tăng cường công tác thông tin, truyền thông, tạo sự đồng thuận xã hội.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Các chỉ tiêu kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP): 7,5%.
- Cơ cấu kinh tế:
 - + Công nghiệp, xây dựng: 58,6%;
 - + Dịch vụ và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm: 31,8%;
 - + Nông, lâm nghiệp, thủy sản: 9,6%;
- Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Tăng 8,5%.
- Giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản: Tăng 3,5%.
- Giá trị xuất khẩu: Tăng 8%, trong đó giá trị xuất khẩu địa phương tăng 9% so với năm 2023;
- GRDP bình quân đầu người: 123 triệu đồng/người/năm.
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh: 19.515 tỷ đồng.

2.2. Các chỉ tiêu xã hội

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 74%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ: 36,5%.
- Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị: Dưới 3%.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới): Từ 0,8% trở lên.

- Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội: 42,5%.
- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm: 02 xã.
- Số đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới: 01 đơn vị.
- Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế: 72%.
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế: 95%.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: 89%.
- Tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số được học tại các trường dân tộc nội trú: 8%.
- Chỉ tiêu về văn hóa:
 - + Tỷ lệ gia đình văn hóa: Từ 90% trở lên;
 - + Tỷ lệ xóm, làng, tổ dân phố văn hóa: Từ 90% trở lên;
 - + Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa: Từ 92% trở lên.

2.3. Các chỉ tiêu về môi trường

- Ổn định tỷ lệ che phủ rừng: Từ 46% trở lên;
- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 97,5%.

II. Nhiệm vụ và các giải pháp phát triển ngành, lĩnh vực

1. Lĩnh vực kinh tế

1.1. Phát triển công nghiệp - xây dựng

- Tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, thực hiện các dự án xây dựng hạ tầng khu, cụm công nghiệp và dự án hạ tầng giao thông quy mô lớn tại khu vực phía Nam của tỉnh để thu hút các nhà đầu tư thứ cấp vào đầu tư trong năm 2024, đặc biệt là các nhà đầu tư chiến lược thuộc lĩnh vực công nghiệp, tạo năng lực mới tăng thêm cho nền kinh tế.

- Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp nền tảng, mũi nhọn, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ. Tập trung phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo, chú trọng phát triển công nghiệp xanh. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong sản xuất, nâng cao chất lượng đào tạo lao động để nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất. Thực hiện có hiệu quả cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời, điện mặt trời áp mái.

- Triển khai rà soát tình hình sản xuất của từng ngành, đặc biệt là các ngành công nghiệp chủ lực như may mặc, cơ khí, điện tử, sản xuất kim loại, khai khoáng,... Tăng cường đối thoại với doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất, kinh doanh; tiếp tục thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Trung ương và của tỉnh.

- Chủ động rà soát, bảo trì hệ thống truyền tải lưới điện; thực hiện các phương án đảm bảo cung ứng điện cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân; đặc biệt không để xảy ra tình trạng thiếu hụt, gián đoạn cung ứng điện với các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp lớn.

- Tăng cường liên kết sản xuất với các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc và vùng Thủ đô. Triển khai thực hiện hiệu quả Biên bản ghi nhớ các biện pháp phối hợp, liên kết phát triển giữa tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Bắc Giang, trong đó chú trọng hình thành cụm liên kết sản xuất trong ngành công nghiệp điện, điện tử, cơ khí chế tạo với tỉnh Bắc Giang.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn xây dựng các cơ chế, chính sách, giải pháp nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng và phát triển đô thị, nhà ở, các chính sách, giải pháp quản lý quá trình đô thị hoá, phát triển các dịch vụ công trong lĩnh vực phát triển đô thị. Đẩy mạnh thực hiện Đề án phát triển nhà ở xã hội tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025; khuyến khích phát triển sản phẩm bất động sản phù hợp với nhu cầu xã hội như nhà ở thương mại, nhà ở xã hội.

1.2. Phát triển thương mại, dịch vụ

- Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án thương mại, dịch vụ trên địa bàn, tạo động lực phát triển ngành dịch vụ trở thành trụ cột dẫn dắt tăng trưởng cho nền kinh tế trong bối cảnh hiện nay.

- Phát triển mạnh thị trường tiêu dùng nội địa; tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, ứng dụng chuyển đổi số và các nền tảng thương mại điện tử để giới thiệu sản phẩm của tỉnh Thái Nguyên. Đẩy mạnh cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp nội địa chiếm lĩnh thị trường trong nước và phát triển hoạt động xuất khẩu.

- Thực hiện tốt công tác quản lý thị trường, giá cả, chất lượng hàng hoá và vệ sinh an toàn thực phẩm; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, kinh doanh trái phép, trốn lậu thuế, đầu cơ, thao túng thị trường.

1.3. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

- Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2019 - 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án “Phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030”; Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững.

- Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; kết nối nông thôn

với đô thị. Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung, quy mô lớn, sản xuất an toàn, phù hợp với nhu cầu thị trường. Tạo điều kiện thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Tập trung phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực và sản phẩm OCOP của tỉnh gắn với ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, kinh tế số nhằm kết nối giữa sản xuất, chế biến và thị trường.

- Quyết liệt thực hiện các giải pháp phòng ngừa và kiểm soát dịch bệnh gia súc, gia cầm; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; thực hiện tốt công tác kiểm dịch động vật, thực vật, đảm bảo an toàn thực phẩm, chất lượng và truy xuất nguồn gốc.

1.4. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

- Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng gắn với quá trình đô thị hóa, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn cụ thể các địa phương theo lộ trình đối với từng xã; ưu tiên cân đối, bố trí nguồn lực hỗ trợ thực hiện các tiêu chí cần đạt chuẩn ngay từ đầu năm. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động bố trí ngân sách đối ứng của cấp huyện để thực hiện các nội dung Chương trình theo đúng quy định, trong đó tập trung lồng ghép, phân bổ các nguồn lực để hỗ trợ hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí chưa đạt chuẩn của các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, huy động nguồn lực hỗ trợ huyện Phú Lương đạt chuẩn nông thôn mới. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường, nâng cao hiệu quả giám sát cộng đồng, đặc biệt là giám sát trong đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện, trọng tâm là việc thực hiện cơ chế, chính sách, cơ chế đặc thù, huy động nguồn lực của người dân, chất lượng thi công các công trình, công tác thẩm định, xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu, nông thôn mới nâng cao.

1.5. Thu hút đầu tư và phát triển kinh tế tư nhân

- Đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư theo hướng trọng tâm, trọng điểm, có hiệu quả; chủ động trao đổi, thu hút các nhà đầu tư chiến lược trong một số lĩnh vực có tiềm năng, tạo sự đột phá như công nghiệp bán dẫn, công nghiệp điện tử công nghệ cao,... Xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư chiến lược trong bối cảnh áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu, duy trì sự hấp dẫn của môi trường đầu tư. Tạo điều kiện tối đa và khuyến khích

các doanh nghiệp mở rộng sản xuất; triển khai hoạt động nghiên cứu và phát triển hoặc hợp tác chuyển giao công nghệ tại tỉnh Thái Nguyên. Kiên quyết thu hồi các dự án không thực hiện theo đúng tiến độ và cam kết đầu tư.

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển khu vực kinh tế tư nhân của tỉnh thực sự trở thành động lực tăng trưởng quan trọng của nền kinh tế; gia tăng năng lực cạnh tranh, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng trong nước và toàn cầu. Khuyến khích thành lập các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo ở các ngành, lĩnh vực.

1.6. Phát triển lĩnh vực kinh tế tập thể

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Đề án Phát triển kinh tế tập thể tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025.

- Tăng cường liên kết giữa tổ chức kinh tế tập thể với các thành phần kinh tế khác. Hỗ trợ, tư vấn các hợp tác xã xây dựng dự án sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, trong đó tập trung tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP của tỉnh.

- Tập trung, lồng ghép các nguồn lực, triển khai thực hiện hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp theo cơ chế, chính sách của Chính phủ ban hành. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ kinh phí thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, các đề án chủ yếu lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn như: Phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực; xây dựng nông thôn mới; “Mỗi xã, phường một sản phẩm”.

1.7. Quản lý thu - chi ngân sách nhà nước

- Tăng cường theo dõi, kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của các tổ chức; cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra thuế, quản lý thu nợ và cưỡng chế thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước. Tổ chức triển khai kịp thời các cơ chế chính sách tài chính, thuế mới ngay khi được ban hành.

- Kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác xác định giá đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất; quyết liệt thực hiện các giải pháp thu tiền sử dụng đất ngay từ đầu năm; thực hiện hiệu quả cải cách hành chính trong lĩnh vực đất đai. Đôn đốc chủ đầu tư dự án đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, kịp thời tổ chức đấu giá

thu tiền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước. Thực hiện tốt các cơ chế chính sách trong việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án. Rà soát, đôn đốc các chủ đầu tư dự án nộp tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước theo quy định. Đẩy nhanh tiến độ rà soát thực hiện các phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tích cực tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nghiệp mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nộp thuế xuất nhập khẩu tại tỉnh.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách; quản lý chặt chẽ các khoản chi thường xuyên, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; ưu tiên các nguồn lực cho chi đầu tư phát triển. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia ngay từ đầu năm. Chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện và giải ngân vốn, đặc biệt về vấn đề thủ tục đầu tư, phân đấu giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao năm 2024.

2. Lĩnh vực văn hóa, xã hội

2.1. Giải quyết việc làm và công tác giảm nghèo, an sinh xã hội

- Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân về giảm nghèo bền vững; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, chủ động vươn lên thoát nghèo, không lệ thuộc vào sự giúp đỡ của nhà nước và xã hội. Thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều gắn với mục tiêu phát triển bền vững; bảo đảm mức sống tối thiểu, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. Khuyến khích các doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, phát triển đa dạng các mô hình sản xuất có sự tham gia của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, điều dưỡng người có công với cách mạng. Quản lý chặt chẽ và chi trả kịp thời, đúng, đủ trợ cấp ưu đãi cho đối tượng người có công với cách mạng theo quy định. Duy trì 100% xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ và người có công.

- Tích cực triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh và chất lượng đào tạo. Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo việc làm ổn định cho người lao động, giải quyết việc làm. Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp và giám sát thực hiện chỉ tiêu phát triển bảo hiểm xã hội. Đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền đến các đơn vị

sử dụng lao động, người lao động về các quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Việc làm, những lợi ích khi tham gia bảo hiểm xã hội với nhiều hình thức đa dạng, dễ tiếp cận; khuyến khích tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

- Triển khai các hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; lồng ghép vấn đề giới vào việc thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; triển khai hiệu quả các chương trình, kế hoạch về công tác trẻ em giai đoạn 2021 - 2025 như: Chương trình hành động quốc gia về trẻ em, Chương trình phòng chống tai nạn, thương tích trẻ em, Chương trình bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng,...

2.2. Về giáo dục và đào tạo

- Tăng cường nề nếp kỷ cương; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, hạnh phúc, xây dựng văn hóa học đường theo Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường. Nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học hướng tới phát triển phẩm chất, năng lực người học; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục; tổ chức các hoạt động đổi mới sáng tạo, tạo điều kiện cho học sinh tham gia nghiên cứu khoa học; nâng cao chất lượng các kỳ thi, tuyển, kiểm tra đánh giá, đặc biệt là kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo các cơ sở giáo dục, giáo viên thực hiện nghiêm các quy định hiện hành về liên kết, tổ chức, triển khai hoạt động giảng dạy ngoài giờ chính khóa theo nhu cầu người học. Giáo dục thường xuyên thực hiện đa dạng hóa nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, học tập suốt đời của người dân, góp phần xây dựng xã hội học tập.

- Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học; thực hiện chuẩn hóa trong giáo dục; tiếp tục rà soát quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục phù hợp với điều kiện cụ thể, đảm bảo yêu cầu phát triển giáo dục của từng địa phương. Đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của con em đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, đối tượng chính sách.

- Tiếp tục triển khai thực hiện mạnh mẽ hơn nữa kế hoạch chuyển đổi số trong giáo dục. Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Tập trung xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo đảm bảo

đủ phẩm chất, năng lực, đề cao danh dự, tự trọng, ý chí phấn đấu và khát vọng cống hiến. Rà soát, sắp xếp đội ngũ giáo viên đảm bảo số lượng và chuẩn giáo viên đối với các cấp học.

2.3. Hoạt động khoa học và công nghệ, thông tin truyền thông

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện các cơ chế, chính sách trong hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh từ công tác quản lý khoa học, quản lý công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ,... theo hướng hiệu lực, hiệu quả. Trong đó, tập trung đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính trong thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để thu hút, động viên, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và xã hội cho hoạt động khoa học và công nghệ.

- Chủ động tiếp cận những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 nhằm thúc đẩy sự phát triển khoa học và công nghệ, góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tập trung hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đảm bảo đo lường và nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Mở rộng quan hệ hợp tác phát triển khoa học và công nghệ ở trong và ngoài nước; tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế và Trung ương trong các lĩnh vực đào tạo, quản lý, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, đổi mới công nghệ.

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Phát huy vai trò của các cơ quan tuyên truyền trên địa bàn tỉnh, tăng cường phối hợp với các cơ quan báo chí Trung ương, các đơn vị ngoài tỉnh tuyên truyền các sự kiện nổi bật trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; các sự kiện quan trọng của đất nước, của tỉnh, góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội.

2.4. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

- Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới và Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới. Đảm bảo thực hiện đúng chính sách pháp luật về dân số, duy trì mức sinh hợp lý, kiểm soát tỷ số giới tính khi sinh và nâng cao chất lượng dân số. Thực hiện các biện pháp bảo đảm vật tư y tế, thuốc,

sinh phẩm phục vụ công tác khám, chữa bệnh. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn, nhất là tại các chợ, siêu thị và trung tâm thương mại.

- Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong toàn ngành y tế; khuyến khích ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến trong quản lý y tế và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại các bệnh viện, cơ sở y tế. Đảm bảo lộ trình thực hiện hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, khám chữa bệnh từ xa. Quản lý, sử dụng hiệu quả Quỹ khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định.

- Triển khai thực hiện tốt các mục tiêu, chỉ tiêu trong Chương trình Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025; Đề án Phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên.

2.5. Phát triển văn hóa, thể dục thể thao và du lịch

- Tiếp tục thực hiện tốt Kết luận số 76-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, Kết luận của Tổng Bí thư tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc; coi trọng phát triển văn hóa, xã hội ngang tầm với phát triển kinh tế. Hướng mọi hoạt động văn hóa vào việc xây dựng con người phát triển toàn diện; xây dựng cơ quan, gia đình, địa phương văn hóa; mỗi gia đình là một tế bào khỏe mạnh, phát triển. Chỉ đạo tổ chức tốt các hoạt động chào mừng các ngày kỷ niệm, các ngày lễ lớn của đất nước, sự kiện chính trị của tỉnh. Phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống thiết chế văn hóa từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền góp phần nâng cao tư tưởng, giáo dục truyền thống lịch sử, cách mạng, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, tình yêu quê hương đất nước trong mọi tầng lớp Nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ.

- Tiếp tục xây dựng và phát triển thể dục, thể thao nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường sức khỏe của người dân; tiếp tục quan tâm đào tạo, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và hỗ trợ phát triển các môn thể dục thể thao mà tỉnh có lợi thế để nâng cao thành tích của thể thao thành tích cao tại các kỳ thi đấu trong nước và quốc tế.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hoá, tăng cường huy động và tạo điều kiện thuận lợi để mọi tổ chức, cá nhân tham gia ủng hộ phát triển các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch, nhất là cấp cơ sở. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 18/5/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững theo hướng “*Sản phẩm đặc sắc - Dịch vụ chuyên nghiệp - Thủ tục thuận tiện, đơn giản - Giá cả cạnh tranh - Môi trường vệ sinh sạch, đẹp - Điểm đến an toàn, văn minh, thân thiện*”. Phát triển các sản phẩm du lịch chủ đạo, có lợi thế;

tăng cường kết nối và nâng cao chất lượng dịch vụ trong chuỗi giá trị sản phẩm du lịch; hình thành và phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh, trong đó quan tâm thực hiện chuyển đổi số, xây dựng và vận hành hệ thống du lịch thông minh; đầu tư, phát triển nguồn nhân lực du lịch đáp ứng yêu cầu. Tăng cường hoạt động quảng bá, thu hút du lịch, xúc tiến đầu tư vào du lịch, giới thiệu về văn hóa và con người Thái Nguyên đến bạn bè trong nước và quốc tế.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025.

2.6. Về công tác dân tộc, tôn giáo

- Tập trung chỉ đạo các ngành, các cấp triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các cơ chế, chính sách, các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 đảm bảo đúng đối tượng theo quy định.

- Tiếp tục theo dõi, nắm chắc tình hình, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào dân tộc, miền núi để có các giải pháp phù hợp về phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, phòng chống tệ nạn xã hội và những vấn đề liên quan về dân tộc trên địa bàn tỉnh.

- Tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân; bình đẳng giữa các tôn giáo trước pháp luật; đoàn kết tôn giáo, gắn với đoàn kết dân tộc. Phát huy những giá trị đạo đức tích cực, giá trị nhân văn của tôn giáo và các nguồn lực của tôn giáo. Tăng cường công tác quản lý về đất đai của các cơ sở thờ tự, tôn giáo trên địa bàn và đảm bảo các hoạt động tôn giáo trên địa bàn thực hiện đúng quy định của pháp luật.

3. Công tác đối ngoại

- Tăng cường quán triệt và triển khai đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại; đẩy mạnh hội nhập quốc tế trên tất cả các lĩnh vực. Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các văn bản về đối ngoại của tỉnh theo chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, kịp thời đáp ứng các yêu cầu trong tình hình mới.

- Xây dựng, duy trì, phát triển quan hệ hợp tác quốc tế với các địa phương của nước ngoài; làm sâu sắc thêm các mối quan hệ hợp tác truyền thống của tỉnh với các địa phương nước ngoài; chủ động, tăng cường hội nhập và mở rộng các mối quan hệ hợp tác quốc tế mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Tăng cường các hoạt động ngoại giao kinh tế; tranh thủ tối đa cơ hội hợp tác kinh tế với các nước đối tác chiến lược toàn diện của Việt Nam như Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Trung Quốc,... Đối mới,

nâng cao chất lượng công tác thông tin đối ngoại, ngoại giao văn hóa. Duy trì việc tăng cường vận động viện trợ từ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài. Thực hiện tốt công tác lãnh sự, bảo hộ công dân, tổ chức và quản lý đoàn ra, đoàn vào, công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

4. Quản lý tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững

- Tập trung thực hiện các giải pháp theo Kế hoạch tăng trưởng xanh của tỉnh. Thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tập trung thu hút các dự án thuộc lĩnh vực năng lượng hydrogen xanh và năng lượng tái tạo; dự án có công nghệ cao, thân thiện với môi trường; các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Quyết liệt thực hiện các giải pháp về giảm phát thải, chuyển đổi năng lượng theo tinh thần của Quy hoạch điện VIII, góp phần hướng tới hoàn thành các cam kết của Việt Nam về phát thải ròng về “0” tại Hội nghị COP26 về công tác của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu.

- Tận dụng các điểm mạnh về rừng và không gian sinh thái đặc thù của địa phương để thực hiện phân tích, nhận dạng và phát triển các dự án có tiềm năng phát hành tín chỉ các-bon theo các tiêu chuẩn quốc tế đồng thời phù hợp với lộ trình thí điểm thị trường giao dịch phát thải trong nước của Việt Nam vào năm 2025 theo quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định giảm nhẹ phát thải nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

- Tiếp tục thực hiện Đề án tăng cường quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường giai đoạn 2021 - 2025, trong đó tập trung các nhiệm vụ trọng tâm như: Tập trung giải quyết các vấn đề về rác thải; tăng cường tuyên truyền, vận động người dân và doanh nghiệp thực hiện phân loại rác tại nguồn, giảm thiểu sử dụng túi nilon và các sản phẩm từ nhựa dùng một lần; xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường; đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp; khắc phục ô nhiễm môi trường xung quanh các cơ sở sản xuất công nghiệp, khai thác, chế biến khoáng sản, khu dân cư, đô thị; bảo vệ đa dạng sinh học, cảnh quan sinh thái lưu vực sông Cầu, bảo vệ và cải thiện môi trường nông nghiệp nông thôn.

- Tổ chức thực hiện tốt việc tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, xác định tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, thủ tục liên quan đến khai thác mỏ vật liệu xây dựng, đảm bảo đáp ứng nhu cầu của các công trình, dự án đầu tư công quan trọng.

- Tăng cường hoạt động truyền thông môi trường, cập nhật, phổ biến, triển khai kịp thời các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Nhân rộng các mô hình bảo vệ môi trường hiệu quả, nhất là các mô hình về quản lý rác thải nông nghiệp, chất thải chăn nuôi.

- Chỉ đạo thực hiện tốt việc thẩm định đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn theo quy định pháp luật. Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình nhiệm vụ theo Kế hoạch hành động đa dạng sinh học, các dự án hỗ trợ tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất đảm bảo đúng thời gian, kịp tiến độ các dự án. Đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo chất lượng và theo đúng quy định.

5. Cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Triển khai hiệu quả đề án tinh giản biên chế đối với các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định.

- Tập trung xây dựng và triển khai thực hiện phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình cải cách hành chính của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025. Chú trọng nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính của người dân và doanh nghiệp. Chỉ đạo chấp hành nghiêm thời gian giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo theo đúng quy định.

- Quyết liệt thực hiện các giải pháp cải thiện và nâng cao chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), chỉ số hài lòng đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI); cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương (DDCI).

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị, văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương; các Chỉ thị, Nghị quyết của Tỉnh ủy về công tác phòng, chống tham nhũng; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tập trung chỉ đạo giải quyết các vụ việc công dân khiếu kiện đông người, khiếu nại kéo dài, khiếu nại vượt cấp. Nâng cao đạo đức công vụ và kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với trách nhiệm

người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cá thể hoá trách nhiệm đến từng công chức trong thực thi công vụ; tuyệt đối không để xảy ra hiện tượng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm trong thực thi công vụ; đồng thời có các biện pháp bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

6. Quốc phòng, quân sự địa phương và an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Quán triệt, triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, các Bộ, ngành về quốc phòng, an ninh. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác củng cố quốc phòng, an ninh, kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ tăng cường quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập. Thực hiện hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân, động viên lực lượng dự bị động viên; tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ 03 đơn vị cấp huyện theo Kế hoạch. Xây dựng và triển khai tốt kế hoạch sẵn sàng chiến đấu bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện, ngày lễ trong năm. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, không để phát sinh các điểm nóng về an ninh trật tự; chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, chống phá của các thế lực thù địch, đối tượng phản động. Tăng cường công tác phòng, chống cháy, nổ, đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười sáu thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 95/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Thông qua kết quả giám sát công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giai đoạn 2017 - 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về Chương trình giám sát năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên thành lập Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giai đoạn 2017 - 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét Tờ trình số 182/TTr-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua kết quả giám sát công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giai đoạn 2017 - 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Báo cáo kết quả giám sát công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giai đoạn 2017 - 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất đánh giá về kết quả đạt được, những hạn chế cần tập trung chỉ đạo, thực hiện và các giải pháp khắc phục trong thời gian tới. Cụ thể như sau:

1. Kết quả đạt được

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh sự quan tâm, giúp đỡ tích cực của các Bộ, ngành liên quan, giai đoạn 2017 - 2022, công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn

tỉnh đã có nhiều chuyên biến tích cực, bước đầu kiềm chế gia tăng ô nhiễm, khắc phục tình trạng suy thoái môi trường; môi trường đất, môi trường nước, môi trường không khí dần được cải thiện, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản triển khai, chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường được quan tâm thực hiện; hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh được quan tâm đầu tư; các chỉ tiêu về môi trường đô thị, nông thôn được cải thiện đáng kể; một số điểm ô nhiễm môi trường được quan tâm chỉ đạo xử lý; cải cách thủ tục hành chính được đẩy mạnh gắn liền với công tác chuyển đổi số; công tác kiểm tra, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị có liên quan đến bảo vệ môi trường được tăng cường về số lượng và chất lượng. Ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư ngày càng được nâng cao.

2. Tồn tại, hạn chế

2.1. Việc tiếp nhận, thẩm định, giải quyết hồ sơ bảo vệ môi trường tại cấp huyện có lúc chưa đảm bảo yêu cầu về thời gian và chất lượng. Một số cơ quan, địa phương chưa kịp thời rà soát, đôn đốc, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thực hiện hồ sơ bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân các cấp theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Còn một số văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn các nội dung được giao trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh chưa được ban hành.

2.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đã có nhiều cố gắng nhưng hiệu quả chưa cao.

2.3. Mức độ quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường ở một số địa phương còn chưa tương xứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế; công tác phối hợp của một số cơ quan, đơn vị, địa phương cấp huyện có nơi, có lúc chưa kịp thời. Năng lực đội ngũ làm công tác quản lý môi trường ở một số địa phương còn hạn chế. Trách nhiệm quản lý nhà nước của chính quyền cấp xã ở một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; chưa phát huy đầy đủ vai trò giám sát ở cơ sở để kịp thời phát hiện, kiểm tra, ngăn chặn các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường.

2.4. Công tác thanh tra, kiểm tra chuyên đề về bảo vệ môi trường mặc dù ở cấp tỉnh đã được quan tâm, ở một số đơn vị cấp huyện còn hạn chế, số lượng các cuộc kiểm tra còn ít, chủ yếu giải quyết các vụ việc phát sinh, việc xử lý vi phạm có lúc, có nơi chưa kịp thời; việc kiểm tra, đôn đốc thực hiện hình thức xử phạt bổ sung buộc khắc phục hành vi vi phạm về môi trường theo quy định chưa được quan tâm.

2.5. Một số hạn chế, tồn tại trong từng lĩnh vực cụ thể:

- Công tác phối hợp kiểm tra, hướng dẫn chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu, cụm công nghiệp chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa chặt chẽ, nhiều nội dung chủ đầu tư chưa thực hiện đầy đủ theo quy định. Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường của một số khu, cụm công nghiệp chưa được hoàn thiện và đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của một số cơ sở, sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm còn chưa đầy đủ. Còn tình trạng một số cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường chưa chấp hành nghiêm quyết định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường.

- Việc thu gom, xử lý vỏ bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng ở một số địa phương còn chưa triệt để; việc xử lý các điểm ô nhiễm hóa chất thuốc bảo vệ thực vật tồn lưu do lịch sử để lại còn gặp nhiều khó khăn do chưa bố trí được nguồn kinh phí.

- Công tác quản lý hiện trạng, quy mô chăn nuôi trang trại của Ủy ban nhân dân một số huyện, thành phố còn hạn chế, chưa kịp thời hướng dẫn thực hiện hồ sơ môi trường khi thay đổi quy mô chăn nuôi. Còn có địa phương chú trọng phát triển hoạt động chăn nuôi nhưng thiếu kiểm soát việc thực hiện quy định bảo vệ môi trường; tình trạng ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi trang trại khá phổ biến; còn trang trại không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, không đảm bảo hồ sơ, công trình bảo vệ môi trường và xả thải vượt quy chuẩn ra môi trường nhưng chậm được khắc phục.

- Một số khu đô thị, khu dân cư chưa hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường. Việc tổ chức thu gom, xử lý nước thải tập trung ở các khu đô thị, khu dân cư hình thành từ trước còn gặp nhiều khó khăn.

- Việc thực hiện các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường của một số mỏ khoáng sản còn chưa đầy đủ theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

- Công tác quản lý, hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế có lúc chưa kịp thời. Có cơ sở y tế đang hoạt động chưa xây dựng hệ thống xử lý nước thải y tế tập trung và hoàn thiện hồ sơ bảo vệ môi trường theo quy định. Một số cơ sở y tế thiết lập và tổ chức cụm lưu giữ chất thải nguy hại chưa đảm bảo yêu cầu.

- Hầu hết các nghĩa trang, nghĩa địa cũ không có hồ sơ về bảo vệ môi trường, việc xử lý chất thải còn chưa đúng quy định.

- Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật về thu gom, xử lý rác thải ở một số địa phương còn chưa đáp ứng yêu cầu thực tế, còn sử dụng công nghệ lạc hậu dẫn đến việc xử lý rác thải chưa đảm bảo các yếu tố về môi trường. Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn, miền núi chưa cao; lượng rác thải nhựa phát sinh còn lớn, chưa được thu gom, xử lý hợp vệ sinh. Công tác phân loại chất thải tại nguồn chưa đạt kết quả mong muốn; còn địa phương chưa bố trí điểm tập kết, trung chuyển rác thải sinh hoạt.

- Môi trường không khí xung quanh các cơ sở sản xuất công nghiệp, khai thác khoáng sản, khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư tại một số thời điểm hàm lượng bụi vẫn còn vượt giới hạn cho phép; nguồn nước trên các nhánh sông, suối có nguy cơ ô nhiễm do nước thải sinh hoạt, chăn nuôi.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Những hạn chế, bất cập nêu trên có nhiều nguyên nhân, trong đó có những nguyên nhân chủ yếu sau:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về bảo vệ môi trường của một số sở, ngành, cấp ủy, chính quyền một số địa phương (cấp huyện, xã) có lúc chưa sát sao, chưa kịp thời; lực lượng công chức, viên chức làm công tác quản lý nhà nước về môi trường còn thiếu so với yêu cầu nhiệm vụ.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường ở một số nơi chưa thường xuyên, liên tục.

- Công tác phối hợp giữa các sở, ngành và địa phương liên quan còn bị động, chưa thống nhất, thiếu chặt chẽ.

- Việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của một số cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp chưa nghiêm, chưa thực sự chủ động, tự giác thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ môi trường, chủ yếu chạy theo mục tiêu lợi nhuận, coi nhẹ yếu tố bảo vệ môi trường.

- Kinh phí bố trí cho sự nghiệp bảo vệ môi trường hằng năm mặc dù đã được quan tâm nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế, trong khi việc huy động nguồn lực xã hội hóa cho công tác bảo vệ môi trường gặp nhiều khó khăn.

- Năm 2022 là năm đầu tiên triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 với nhiều quy định mới, trong khi đó, một số văn bản hướng dẫn dưới luật ban hành chậm, chưa đồng bộ, có văn bản mới ban hành đã bộc lộ những vấn đề bất cập, vướng mắc dẫn đến việc tổ chức thực hiện còn lúng túng.

- Giai đoạn 2020 - 2022 là thời điểm diễn ra dịch Covid-19, ảnh hưởng tới việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ về môi trường và kế hoạch thanh tra, kiểm tra về môi trường đã được phê duyệt.

- Công tác thanh tra, kiểm tra của một số địa phương chưa thường xuyên, còn hành vi vi phạm chưa được xử lý nghiêm hoặc chưa kịp thời phát hiện. Việc thực hiện công tác hậu kiểm tra đối với các tổ chức, cá nhân về bảo vệ môi trường chưa được quan tâm đúng mức, có phần hạn chế.

Điều 2. Để tiếp tục nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp sau:

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Đề án tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch hành động tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030.

2. Tiếp tục đẩy mạnh và đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường với nội dung, hình thức phù hợp đối tượng, địa bàn tuyên truyền, từng bước thay đổi từ nhận thức đến hành vi bảo vệ môi trường, hình thành lối sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng xanh, thân thiện với môi trường; xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường.

3. Nghiên cứu ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Sớm xây dựng, ban hành các quyết định, quy định chi tiết, hướng dẫn các nội dung được giao trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thuộc thẩm quyền của tỉnh trong năm 2024 để thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh (*Phụ lục 1*) và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

4. Thực hiện rà soát, kiểm tra và có giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế, vướng mắc đã nêu tại báo cáo. Trong đó, quan tâm thực hiện một số nội dung sau:

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường kiểm tra, đôn đốc, yêu cầu các chủ đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, trang trại chăn nuôi, làng nghề thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về hồ sơ, hạ tầng kỹ thuật, quan trắc môi trường,... theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (*Phụ lục 2, phụ lục 3*).

- Nâng cao chất lượng thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp giấy phép môi trường theo đúng quy định tại Điều 36 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Nghiên cứu xây dựng Đề án quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn từ các hộ gia đình, cá nhân trước thời hạn 31 tháng 12 năm 2024 theo quy định tại khoản 7 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Nghiên cứu ban hành hướng dẫn cụ thể đối với việc tiếp nhận, vận hành, quản lý hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các khu dân cư, khu đô thị để bàn giao về cho địa phương quản lý đảm bảo thống nhất trong quá trình thực hiện.

- Tiếp tục quan tâm, xử lý các điểm tồn dư thuốc bảo vệ thực vật; giám sát việc nhập, mua, bán, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón, kết hợp với việc thu hồi, xử lý bao bì sau khi sử dụng.

- Rà soát tổng thể quy mô đàn gia súc, gia cầm để quy hoạch vùng chăn nuôi hợp lý, đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường. Có biện pháp xử lý đối với các cơ sở chăn nuôi gây ô nhiễm môi trường, không chấp hành nghiêm các biện pháp bảo vệ môi trường.

- Chỉ đạo các cơ sở y tế khẩn trương hoàn thiện công trình bảo vệ môi trường trước khi xả thải ra môi trường theo đúng quy định; kịp thời hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm.

- Chỉ đạo rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị làm nhiệm vụ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt; nghiên cứu ban hành quy định về mô hình tổ chức và hoạt động của đơn vị làm nhiệm vụ thu gom, xử lý rác thải.

- Chỉ đạo việc đôn đốc chủ đầu tư hoàn thiện các nghĩa vụ tài chính về ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường; thuế, phí về bảo vệ môi trường theo quy định (*Phụ lục 4, phụ lục 5*); đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện đúng phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt để bàn giao về cho địa phương quản lý.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh liên quan đến công tác bảo vệ môi trường. Phân bổ chi tiết, sử dụng tập trung, hiệu quả, đúng mục đích, giám sát chặt chẽ việc sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường.

- Chỉ đạo tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường. Chú trọng công tác kiểm tra và giám sát việc thực hiện các biện pháp buộc khắc phục hậu quả. Có biện pháp xử lý nghiêm đối với những trường hợp chậm khắc phục theo kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra.

- Tích cực thực hiện các giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại, kiến nghị nêu trong kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan cấp trên. Thực hiện tốt công tác tiếp dân, chỉ đạo và giải quyết dứt điểm các ý kiến, kiến nghị về bảo vệ môi trường.

5. Lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp một số nội dung sau:

- Triển khai các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện theo thẩm quyền được phân công.

- Tổ chức rà soát, thống kê các đối tượng phải có giấy phép môi trường và các đối tượng phải đăng ký bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 và Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 để xây dựng phương án quản lý, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng các biện pháp cũng như kế hoạch để nâng cao tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt đảm bảo hoàn thành mục tiêu của Đề án tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020, nhất là đối với một số địa bàn cấp xã chưa thực hiện thu gom, xử lý theo quy định.

- Có giải pháp cải tạo, khắc phục hoặc đóng cửa các bãi chôn lấp rác thải gây ô nhiễm trên địa bàn. Quan tâm quy hoạch, xây dựng điểm trung chuyển, tập kết rác tại các khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn. Hướng dẫn người dân chủ động phân loại, xử lý rác tại nguồn đảm bảo vệ sinh môi trường trước thời hạn 31 tháng 12 năm 2024.

- Quan tâm đầu tư xây dựng và tổ chức vận hành các mô hình thu gom, xử lý chất thải rắn, hệ thống xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường làng nghề; chỉ đạo các xã, phường, thị trấn trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ tự quản bảo vệ môi trường tại các làng nghề.

- Có phương án di dời các khu nghĩa trang, khu mai táng tập trung không đảm bảo khoảng cách, không phù hợp quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030; chỉ đạo các xã, phường, thị trấn khẩn trương lập hồ sơ bảo vệ môi trường.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng của tỉnh trong giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường tại các mỏ khoáng sản; khu, cụm công nghiệp, cơ sở y tế trên địa bàn.

- Xây dựng kế hoạch và lộ trình cụ thể trong việc di dời các trang trại, gia trại, cơ sở chăn nuôi tập trung không đảm bảo khoảng cách trong chăn nuôi, không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và vi phạm về bảo vệ môi trường.

- Bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định tại Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định phân định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Giao các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười sáu thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

Phụ lục 1

TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CẦN TIẾP TỤC QUY ĐỊNH CHI TIẾT, HƯỚNG DẪN THEO LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2020 (Kèm theo Nghị quyết số 95/NQ - HDND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Nội dung	Quy định tại	Ghi chú
1	Ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt		(Đang thực hiện)
2	Tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với sông, hồ liên tỉnh trên địa bàn	Điểm đ khoản 3 Điều 8	(Chưa thực hiện do Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa ban hành kế hoạch quản lý môi trường nước sông hồ liên tỉnh)
3	Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh	Điểm a khoản 3 Điều 14	(Đang thực hiện)
4	Bảo vệ môi trường đối với khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung: Ban hành quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung	Điểm c khoản 5 Điều 51	
5	Ban hành quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp	Điểm b khoản 6 Điều 52	

6	Ban hành lộ trình di dời dân cư sinh sống (nếu có) ra khỏi cụm công nghiệp	Điểm c khoản 6 Điều 52	
7	Ban hành lộ trình thực hiện đối với cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 53 “ <i>Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng thuộc các trường hợp sau đây phải có khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư</i> ” đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường	Khoản 6 Điều 53	
8	Ban hành, hướng dẫn áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn	Điểm c khoản 2 Điều 58	
9	Quy định việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước	Khoản 8 Điều 64	(Đang thực hiện, đã trình dự thảo lần 2 tại phiên họp 27 của Ủy ban nhân dân tỉnh)
10	Quy định khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa	Khoản 6 Điều 65	(Đang thực hiện, đã trình dự thảo lần 2 tại phiên họp 27 của Ủy ban nhân dân tỉnh)
11	Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm bố trí mặt bằng điểm tập kết, trạm trung chuyển đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Khoản 2 Điều 76	
12	Việc vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải thực hiện theo tuyến đường, thời gian theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Khoản 4 Điều 77	
13	Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý phải có thiết bị định vị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, hoạt động theo tuyến đường và thời gian quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điểm c khoản 5 Điều 81	(Đang thực hiện, đã trình dự thảo lần 2 tại phiên

			họp 27 của Ủy ban nhân dân tỉnh)
14	Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại phải lắp đặt thiết bị định vị; hoạt động theo tuyến đường và thời gian theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Khoản 3 Điều 83	(Đang thực hiện, đã trình dự thảo lần 2 tại phiên họp 27 của Ủy ban nhân dân tỉnh)
15	Đầu tư, khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trên địa bàn thuộc trách nhiệm đầu tư của Nhà nước theo quy định của pháp luật	Điểm a khoản 5 Điều 86	
16	Ban hành lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư hoặc khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trong trường hợp chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải	Điểm b khoản 5 Điều 86	(Đang thực hiện, đã trình dự thảo lần 2 tại phiên họp 27 của Ủy ban nhân dân tỉnh)
17	Ban hành lộ trình và chính sách hỗ trợ để tổ chức, hộ gia đình trong đô thị, khu dân cư tập trung xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận trong trường hợp không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư tập trung đã hình thành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành	Điểm c khoản 5 Điều 86	
18	Ban hành lộ trình thực hiện và chính sách hỗ trợ thu gom, xử lý tại chỗ nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại các khu dân cư không tập trung	Điểm d khoản 5 Điều 86	

19	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải của địa phương trong thời hạn tối đa là 02 năm kể từ ngày ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia	khoản 5 Điều 102	
20	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện các chương trình quan trắc môi trường trên địa bàn, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp, Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả quan trắc môi trường hằng năm	khoản 6 Điều 109	(Đã thực hiện báo cáo hằng năm)
21	Xây dựng cơ sở dữ liệu và lập, công khai thông tin về các nguồn có nguy cơ gây ra sự cố môi trường trên địa bàn theo quy định của pháp luật	Điểm b khoản 2 Điều 122	
22	Xây dựng và chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xây dựng năng lực phòng ngừa, cảnh báo nguy cơ sự cố môi trường trên địa bàn	Điểm c khoản 2 Điều 122	
23	Lập và phê duyệt Đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều 121 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022	Khoản 1 Điều 124 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022	
24	Thực hiện lộ trình, trách nhiệm thực hiện kinh tế tuần hoàn theo quy định Điều 139 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022	

Phụ lục 2
DANH MỤC CÁC CƠ SỞ CẦN TIẾP TỤC HOÀN THIỆN HỒ SƠ CẤP
GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN CẤP TỈNH (172 cơ sở)
(Kèm theo Nghị quyết số 95/NQ - HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023)

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
I	Danh mục các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh (87 cơ sở)	
1	Công ty Trách nhiệm hữu hạn đầu tư phát triển hạ tầng Lê Trạch - Khu công nghiệp Trung Thành	Xã Trung Thành, thành phố Phổ Yên
2	Công ty cổ phần tư vấn và chuyển giao công nghệ quốc tế ICT - Cụm Công nghiệp số 3 cảng Đa Phúc	Xã Thuận Thành, thành phố Phổ Yên
3	Công ty cổ phần thuốc thú y Đức Hạnh Maphavet	Xã Trung Thành, thành phố Phổ Yên
4	Chi nhánh Công ty cổ phần giấy Trường Xuân	Phường Bãi Bông, thành phố Phổ Yên
5	Công ty cổ phần đầu tư thương mại thép Đại Việt	Xã Thuận Thành, thành phố Phổ Yên
6	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Rftech Thái Nguyên	Khu công nghiệp Diềm Thụy, huyện Phú Bình
7	Công ty Trách nhiệm hữu hạn KHVATEC	Khu công nghiệp Yên Bình, huyện Phú Bình
8	Công ty Cổ phần đầu tư APEC Thái Nguyên	Xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình
9	Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Quốc tế Việt Á - Cụm công nghiệp Diềm Thụy	Xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình
10	Công ty Trách nhiệm hữu hạn bê tông xây dựng Việt Cường - Cụm công nghiệp Bảo Lý - xã Xuân Phương	Xã Bảo Lý, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình
11	Công ty cổ phần chế biến gỗ BHL Thái Nguyên	Khu công nghiệp Diềm Thụy, huyện Phú Bình
12	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển công nghiệp Thái Hòa	Khu công nghiệp Diềm Thụy, huyện Phú Bình
13	Công ty Trách nhiệm hữu hạn TTTK Thái Nguyên	Khu công nghiệp Diềm Thụy, huyện Phú Bình
14	Công ty Trách nhiệm hữu hạn KSD VINA	Khu công nghiệp Diềm Thụy, huyện Phú Bình
15	Công ty Trách nhiệm hữu hạn ART Color Eco-Friendly Việt Nam	Khu công nghiệp Diềm Thụy, huyện Phú Bình
16	Công ty Nhà máy Shinsung C&T Vina	Khu công nghiệp

		Điền Thụy, huyện Phú Bình
17	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Young Jin Hi-Tech Vina	Khu công nghiệp Điền Thụy, huyện Phú Bình
18	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sekwang Vina	Khu công nghiệp Điền Thụy, huyện Phú Bình
19	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Shin Hwa Contech Vina	Khu công nghiệp Điền Thụy, huyện Phú Bình
20	Công ty Trách nhiệm hữu hạn KEIN HING TN (VN)	Khu công nghiệp Điền Thụy, huyện Phú Bình
21	Công ty Cổ phần cột thép mạ kẽm Thái Nguyên	Khu công nghiệp Điền Thụy, huyện Phú Bình
22	Công ty Trách nhiệm hữu hạn NPD	Khu công nghiệp Điền Thụy, huyện Phú Bình
23	Hadanbi technology co., limited	Khu công nghiệp Điền Thụy, huyện Phú Bình
24	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Woojin QPD	Khu công nghiệp Điền Thụy, huyện Phú Bình
25	Công ty Trách nhiệm hữu hạn TH Technology (Đổi tên từ testtech)	Khu công nghiệp Điền Thụy, huyện Phú Bình
26	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Daesin	Khu công nghiệp Điền Thụy, huyện Phú Bình
27	Công ty Trách nhiệm hữu hạn SNG Thái Nguyên	Khu công nghiệp Điền Thụy, huyện Phú Bình
28	Công ty Trách nhiệm hữu hạn HSC Press Vina	Khu công nghiệp Điền Thụy, huyện Phú Bình
29	Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất KHELTEC Vina	Khu công nghiệp Điền Thụy, huyện Phú Bình
30	Công ty Trách nhiệm hữu hạn AKM Electronics VietNam	Khu công nghiệp Điền Thụy, huyện Phú Bình
31	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Gio Sun Vina	Khu công nghiệp Điền Thụy, huyện Phú Bình

32	Công ty Cổ phần đầu tư quốc tế THAGACO (Cụm công nghiệp Tân Dương)	Xã Tân Dương, huyện Định Hóa
33	Khu xử lý chất thải thị trấn Chợ Chu - Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa	Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa
34	Lò đốt chất thải rắn xã Phú Đình - Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa	Xã Phú Đình, huyện Định Hóa
35	Lò đốt chất thải rắn xã Bình Yên - Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa	Xã Bình Yên, huyện Định Hóa
36	Nhà máy cốc Hoá - Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên
37	Công ty Cổ phần Đầu tư và thương mại TNG - Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết chi nhánh đường Minh Cầu	Số 160 đường Minh Cầu, thành phố Thái Nguyên
38	Công ty Cổ phần Đầu tư và thương mại TNG - Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết chi nhánh đường Thống Nhất	Số 221 đường Thống Nhất, thành phố Thái Nguyên
39	Công ty Cổ phần Khách sạn & du lịch Hồ Núi Cốc	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ
40	Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng 168	Xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên
41	Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng thương mại Bắc Đại Tây Dương - Dự án Nhà máy gạch tuynel	Xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên
42	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 - Dự án “Khu đô thị số 1, xã Huống Thượng”	Xã Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên
43	Nhà máy cán thép Thái Nguyên	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên
44	Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - VIMICO - Xí nghiệp luyện kim màu 2	Phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên
45	Dự án đầu tư xây dựng công trình lò đốt rác thải sinh hoạt thị trấn Trại Cau - Phòng Kinh tế hạ tầng Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ	Thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ
46	Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư Hồng Thái, xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ - Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển đô thị công nghiệp BCD	Xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ
47	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy TNG Đồng Hỷ - Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại TNG	Xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ
48	Dự án đầu tư cải tạo nâng cao chất lượng nhà máy kềm điện phân Thái Nguyên - Công ty cổ phần kim loại màu Thái Nguyên	Khu công nghiệp Sông Công 1, thành phố Sông Công

49	Dự án đầu tư Nhà máy luyện hợp kim sắt - Công ty Cổ phần Nhật Anh	Khu công nghiệp Sông Công 1, thành phố Sông Công
50	Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị số 1, phường Cải Đan, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn 1) - Trung tâm phát triển quỹ nhà - đất và đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật tỉnh Thái Nguyên	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công,
51	Dự án Nhà máy luyện gang xỉ giàu Mangan- Công ty Cổ phần khoáng sản và luyện kim Trung Thành	Khu công nghiệp Sông Công 1, thành phố Sông Công
52	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Sông Công 2 - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên	Xã Tân Quang, thành phố Sông Công
53	Dự án đầu tư Trạm sản xuất bê tông thương phẩm – Công ty Cổ phần sản xuất công nghiệp xây lắp 3	Khu công nghiệp Sông Công 1, thành phố Sông Công
54	Dự án đầu tư nhà máy Hiệp Linh- Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại Hiệp Linh	Khu A, Khu công nghiệp Sông Công 1, thành phố Sông Công
55	Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư đường Thắng Lợi kéo dài, thành phố Sông Công - Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tiến Mạnh Lai Châu	Phường Bách Quang, phường Cải Đan, thành phố Sông Công
56	Dự án xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Khuynh Thạch, thành phố Sông Công - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trung Thành Thái Nguyên	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công
57	Dự án SungNam Vina - Chi nhánh Thái Nguyên – Công ty Trách nhiệm hữu hạn SungNam Vina	Khu công nghiệp Sông Công 1, thành phố Sông Công
58	Dự án điều chỉnh tổng thể dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị số 1, phường Cải Đan, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn 1) - Công ty Cổ phần thương mại đầu tư xuất nhập khẩu	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công
59	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị Cầu Trúc, phường Bách Quang, thành phố Sông Công- Công ty Cổ phần NHM Sông Công	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công
60	Dự án MDF DONGWHA Việt Nam - Công ty Trách nhiệm hữu hạn MDF DONGWHA Việt Nam	Khu công nghiệp Sông Công II, phường Bách Quang, thành phố Sông Công
61	Dự án khu nhà ở Bách Quang, phường Bách Quang, thành phố Sông Công - Công ty Cổ phần Tập đoàn DANKO	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công

		Sông
62	Nhà máy đúc chi tiết Trường Sơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Minh Bạch	Khu công nghiệp Sông Công 1, thành phố Sông Công
63	Dự án SN Vina - Công ty Trách nhiệm hữu hạn SungNam Vina	Khu công nghiệp Sông Công 1, thành phố Sông Công
64	Dự án Nhà máy KET II - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Korea Electric Terminal Việt Nam	Lô CN 5, Khu công nghiệp Sông Công II, phường Bách Quang, thành phố Sông Công
65	Dự án chế tạo, sản xuất hộp đựng, giá đỡ linh kiện điện tử - Công ty Trách nhiệm hữu hạn ShinSung Technology Việt Nam	Khu công nghiệp Sông Công 1, thành phố Sông Công
66	Dự án Nhà máy SR Tech - Công ty Trách nhiệm hữu hạn SR Tech	Khu công nghiệp Sông Công 1, thành phố Sông Công
67	Dự án Nhà máy sản xuất AJU Vina 2 - Công ty Trách nhiệm hữu hạn AJU Vina	Lô CN 1.1, Khu công nghiệp Sông Công II, phường Bách Quang, thành phố Sông Công
68	Dự án nhà máy sản xuất thép Anh Duy - Công ty Cổ phần thép Anh Duy	Khu B, Khu công nghiệp Sông Công 1, thành phố Sông Công
69	Dự án Công ty Trách nhiệm hữu hạn Top Optoelectronics Việt Nam - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Top Optoelectronics Việt Nam	Khu công nghiệp Sông Công II, phường Bách Quang, thành phố Sông Công
70	Dự án cụm công nghiệp Quang Sơn 1 (khu A) - Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại và sản xuất CaCO ₃ Quang Sơn	Xã Quang Sơn, huyện Đông Hỷ
71	Dự án Nhà máy sản xuất gia công chi tiết thiết bị công nghiệp (Phụ tùng thang máy) - Công ty Trách nhiệm hữu hạn thang máy - Cơ khí Tân Lập	Lô CN3-3, Khu công nghiệp Sông Công I, thành phố Sông Công
72	Dự án các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 2) - Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng thành phố Sông Công	Xã Bình Sơn, thành phố Sông Công
73	Dự án các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến	Xã Bình Sơn,

	đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1) - Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng thành phố Sông Công	thành phố Sông Công
74	Dự án hạ tầng khu dân cư đường Nguyễn Văn Cừ tại phường Bách Quang, thành phố Sông Công - Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng thành phố Sông Công	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công
75	Dự án mở rộng khu dân cư La Đình, phường Bách Quang, thành phố Sông Công - Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng thành phố Sông Công	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công
76	Dự án hạ tầng khu dân cư phường Bách Quang - Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng thành phố Sông Công	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công
77	Dự án hạ tầng Khu dân cư Tân Tiến, xã Tân Quang (Đoạn từ Quốc lộ 3 nối Khu tái định cư Tân Tiến) - Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng thành phố Sông Công	Xã Tân Quang, thành phố Sông Công
78	Dự án hạ tầng khu dân cư số 4, phường Châu Sơn - Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng thành phố Sông Công	Phường Châu Sơn, thành phố Sông Công
79	Dự án hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 9, phường Mỏ Chè - Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng thành phố Sông Công	Phường Châu Sơn, thành phố Sông Công
80	Dự án khu dân cư xóm Ấp Thái, xã Hóa Thượng, huyện Đông Hỷ - Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Nalico	Xã Hóa Thượng, huyện Đông Hỷ
81	Dự án hạ tầng khu dân cư Hương Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công - Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng thành phố Sông Công	Phường Châu Sơn, thành phố Sông Công
82	Dự án khu dân cư tổ dân phố Nguyên Gon, phường Cải Đan, thành phố Sông Công - Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng thành phố Sông Công	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công
83	Dự án khu đô thị số 2 phường Bách Quang - Công ty Cổ phần RYG Thái Nguyên	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công
84	Dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng khu xử lý rác thải huyện Phú Lương (giai đoạn 2) - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Lương	Xã Yên Lạc, huyện Phú Lương
85	Dự án Khu dân cư số 1, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tiến Hoa	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai
86	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Cây Bòng (giai đoạn 1) - Ban Quản lý đầu tư xây dựng huyện Võ Nhai	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai
87	Dự án chợ trung tâm Võ Nhai (chợ Đình Cả) và Khu dân cư số 3 - Công ty Trách nhiệm hữu hạn đầu tư và xây dựng đô thị Võ Nhai	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai

II	Danh mục các trang trại chăn nuôi (27 trang trại)	
88	Hộ chăn nuôi Phan Nhất Thống (Nguyễn Văn Tứ)	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên
89	Hộ chăn nuôi Trần Văn Hoa	Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên
90	Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Bắc Sơn	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên
91	Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Bắc Sơn	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên
92	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàn Dung	Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên
93	Hộ gia đình ông Trần Đình Hoán	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên
94	Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Bái	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên
95	Hộ chăn nuôi Ngô Thượng Hào	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên
96	Hộ chăn nuôi Nguyễn Thái Long	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên
97	Hộ chăn nuôi Trần Đăng Phẩm	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên
98	Hộ chăn nuôi gia công Nguyễn Văn Kiệm	Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên
99	Công ty Cổ phần Tiến Mạnh	Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên
100	Công ty Cổ phần Nam Việt	Xã Phượng Tiến, huyện Định Hoá
101	Trang trại chăn nuôi lợn bà Trần Thị Mai	Xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên
102	Trang trại chăn nuôi lợn ông Trần Xuân Phong	Xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên
103	Trang trại chăn nuôi lợn bà Ngô Quỳnh Dao	Xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên
104	Trang trại chăn nuôi lợn ông Hồ Quang Tuấn	Xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên
105	Trang trại chăn nuôi lợn ông Đàm Văn Mười	Xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên
106	Trang trại chăn nuôi lợn ông Nguyễn Ngọc Tú	Thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ
107	Hộ chăn nuôi Nguyễn Thị Kim	Thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ

108	Ông Dương Công Tuấn	Xã Cát Nê, huyện Đại Từ
109	Ông Nguyễn Văn Thắng	Xã Tân Linh, huyện Đại Từ
110	Ông Đặng Đức Khang	Xã Cát Nê, huyện Đại Từ
111	Ông Trần Văn Khách	Thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ
112	Công ty Trách nhiệm hữu hạn đầu tư nuôi trồng và phát triển nông nghiệp công nghệ cao Bình Mai	Xóm Cuốn Cờ, xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ
113	Dự án xây dựng trang trại chăn nuôi lợn thịt chất lượng cao - Hộ chăn nuôi Trần Thị Tuất	Xóm 7, thị trấn Sông Cầu, huyện Đồng Hỷ
114	Dự án mở rộng trang trại chăn nuôi lợn thịt quy mô từ 1.500 con/lứa lên 2.000 con/lứa- Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Mai Hương	Xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ
115	Dự án Trại lợn chăn nuôi lợn nái siêu nạc - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khánh Gia Thái Nguyên	Xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai
III	Danh mục các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản (53 mỏ)	
116	Công ty Trách nhiệm hữu hạn khai khoáng Dũng An Phát	Xã Tiên Phong, thành phố Phổ Yên
117	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đức Vạn Thông Thái Nguyên Việt Trung - Mỏ thiếc đông Núi Pháo	Xã Cù Vân, huyện Đại Từ
118	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi xóm Mới - Doanh nghiệp tư nhân Việt Cường	Xóm Mới, xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ
119	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Lân Đăm 3 - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chiến Thắng	Xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ
120	Dự án đầu tư xây dựng công trình chế biến mỏ sắt Hoan - Doanh nghiệp Anh Thắng	Xã Cây Thị, huyện Đồng Hỷ
121	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá Hang Trai 2 - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Trường Phát	Xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ
122	Dự án đầu tư khai thác mỏ Angtimon Văn Lãng, xã Văn Lãng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên - Công ty Cổ phần khoáng sản và công nghiệp Cao Bằng	Xã Văn Lãng, huyện Đồng Hỷ
123	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Quang Sơn xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ - Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng và phát triển nông thôn miền núi	Xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ
124	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi La Giang - Công ty Cổ phần Kim Sơn	Xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ
125	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Minh Lập - Công ty Cổ phần Kim Sơn	Xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ
126	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Làng Mới 2 - Công ty Cổ phần Kim Sơn	Xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ

127	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Na Đòa - Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xây dựng và khai khoáng Việt Bắc	Xã Minh Lập, huyện Đông Hồ
128	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Đồi Trục - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phương Nhung	Xã Tân Long, huyện Đông Hồ
129	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Hang Trai - Chi nhánh công ty cổ phần thương mại Tân An Phú tại Thái Nguyên	Xã Hòa Bình, huyện Đông Hồ
130	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ sắt Bò Cu - Công ty Cổ phần luyện kim đen Thái Nguyên	Xã Cây Thị, xã Văn Hán, huyện Đông Hồ
131	Dự án xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Lân Đăm I - Công ty Trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu tổng hợp bắc sông Cầu	Xã Quang Sơn, huyện Đông Hồ
132	Dự án đầu tư điều chỉnh công trình khai thác mỏ đá cát kết Ba Đình - Công ty Cổ phần luyện kim đen Thái Nguyên	Xã Tân Long, huyện Đông Hồ
133	Dự án đầu tư điều chỉnh công trình khai thác mỏ đá vôi Tân Long - Công ty Trách nhiệm hữu hạn An Lộc	Xã Tân Long, huyện Đông Hồ
134	Dự án đầu tư công trình khai thác mỏ đá vật liệu xây dựng thông thường Hang Trai 2, xã Tân Long, huyện Đông Hồ - Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	xã Tân Long, huyện Đông Hồ
135	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Quang Sơn - Công ty Cổ phần đá ốp lát và Vật liệu xây dựng	Xã Quang Sơn, huyện Đông Hồ
136	Dự án nâng công suất khai thác mỏ đá vôi Lũng Chò 2 - Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Hà Nội	Xã Quang Sơn, huyện Đông Hồ
137	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Lũng Chò - Công ty Cổ phần khai thác đá vôi và vật liệu xây dựng	Xã Quang Sơn, huyện Đông Hồ
138	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Lân Đăm I - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hải Bình	Xã Quang Sơn, huyện Đông Hồ
139	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá Đồng Luông (điều chỉnh) - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Minh Hiển VHC	Xã Tân Long, xã Quang Sơn, huyện Đông Hồ
140	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác quặng sắt khu Hòa Bình, xã Cây Thị - Công ty Cổ phần gang thép Thái Nguyên	Xã Cây Thị, huyện Đông Hồ
141	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực xã Tân Cương, xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên và xã Bình Sơn, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hải Thành	Xã Tân Cương, xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên và xã Bình Sơn, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
142	Dự án nhà máy chế biến tinh quặng ILMENIT - Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Thái Nguyên	Xã Động Đạt và xã Phú lý, huyện Phú Lương
143	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác, chế biến mỏ đá xóm Đầu, xã Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái	xã Yên Lạc, huyện Phú Lương

	Nguyên - Công ty Trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu thương mại Vinh Thịnh	
144	Dự án khai thác chế biến quặng chì kẽm Làng Pháng 2 xã Phú Đô, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên - Công ty liên doanh kim loại màu Việt Bắc - Điem Thụy - Phú Bình	xã Phú Đô, huyện Phú Lương
145	Dự án khai thác quặng chì kẽm Lũng Chuối, xã Yên Lạc, huyện Phú Lương - Công ty liên doanh kim loại màu Việt Bắc - Điem Thụy - Phú Bình	xã Yên Lạc, huyện Phú Lương
146	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ chì kẽm xóm Đẩu, xã Yên Lạc, huyện Phú Lương - Công ty liên doanh kim loại màu Việt Bắc - Điem Thụy - Phú Bình	Xã Yên Lạc, huyện Phú Lương
147	Dự án đầu tư xây dựng công trình hầm lò mỏ chì kẽm Phú Đô, xã Yên Lạc, huyện Phú Lương- Chi nhánh Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn	Xã Yên Lạc, huyện Phú Lương
148	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác một phần mỏ chì kẽm Bo Cây - Công ty liên doanh kim loại màu Việt Bắc - Điem Thụy - Phú Bình	Xã Ôn Lương, huyện Phú Lương
149	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Núi Chuông, xã Yên Lạc, huyện Đại Từ - Công ty Cổ phần khai khoáng miền núi	Xã Yên Lạc, huyện Phú Lương
150	Dự án đầu tư khai thác đá và sản xuất đá vôi tại mỏ đá Trúc Mai 2 - Công ty Cổ phần vật liệu chịu lửa Thái Nguyên	Trúc Mai, Lâu Thượng, huyện Võ Nhai
151	Dự án đầu tư khai thác mỏ chì kẽm Bó Toòng - Lũng Áp xã Sảng Mộc huyện Võ Nhai - Hợp tác xã công nghiệp và vận tải Chiến Công	Xã Sảng Mộc, huyện Võ Nhai
152	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đồng Khau Vàng, xã Sảng Mộc, huyện Võ Nhai - Công ty Cổ phần Vinasunny	Xã Sảng Mộc, huyện Võ Nhai
153	Dự án khai tuyến mỏ kẽm chì Cúc Đường, xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai- Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Kim loại màu Thái Nguyên	Xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai
154	Dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi Vạn Xuân, thôn Trúc Mai, xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai - Công ty Cổ phần đầu tư khai thác khoáng sản Thái Lâm	Xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai
155	Dự án đầu tư công trình khai thác mỏ đá La Hiên, huyện Võ Nhai- Công ty cổ phần khoáng sản Đại Hữu	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai
156	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Trúc Mai 1, xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai - Công ty cổ phần đầu tư bất động sản và khoáng sản	Xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai
157	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Đồng Dong- Công ty Cổ phần luyện kim đen Thái Nguyên	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai
158	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi La Hiên 1 - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Trường Phát	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai

159	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá Làng Giai - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Trường Phát	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai
160	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Núi Cộc 1- Công ty Cổ phần đầu tư và xây lắp Sông Đà	Xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai
161	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Trúc Mai, xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai - Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng và phát triển nông thôn miền núi	Xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai
162	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Đồi Xim - Công ty Cổ phần Kim Sơn	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai
163	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Trúc Mai 4 - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phương Nhung	Xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai
164	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ vàng góc, deluvi khu vực Đèo Căng - Lũng Địa Chất - Công ty Cổ phần đầu tư thương mại thủ đô gió ngàn	Xã Thần Sa, huyện Võ Nhai
165	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác quặng vàng góc, deluvi khu vực Bãi Mỏ - Công ty Cổ phần đầu tư thương mại thủ đô gió ngàn	Xã Thần Sa, huyện Võ Nhai
166	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực Hang Hon - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bình Dương	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai
167	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ vàng sa khoáng Khắc Kiệm (Điều chỉnh) - Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và khai thác khoáng sản Thăng Long	Xã Thần Sa, huyện Võ Nhai
168	Công ty Cổ phần Kim Sơn - Dự án đầu tư xây dựng xưởng tuyển đồng, thiếc, bismut	Xóm 2, Xóm 6, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ
IV	Danh mục cơ sở y tế (04 cơ sở)	
169	Bệnh viện trường Đại học Y dược Thái Nguyên - Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết	Phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên
170	Bệnh viện Y học Cổ truyền	Phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên
171	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Thái Nguyên (nay là Bệnh viện Phổi Thái Nguyên)	Phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên
172	Dự án đầu tư xây dựng công trình bệnh viện đa khoa huyện Đông Hồ giai đoạn II - Bệnh viện đa khoa huyện Đông Hồ	Phường Chùa Hang, huyện Đông Hồ

Phụ lục 3
DANH MỤC CÁC CƠ SỞ CẦN TIẾP TỤC HOÀN THÀNH VIỆC LẮP ĐẶT
HỆ THỐNG QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC

(Kèm theo Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ
I	Nước thải (16 cơ sở)	
1.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên (Dự án Khu Công nghiệp Sông Công II)	Phường Bách Quang, thành phố Sông Công
2.	Công ty Cổ phần Vương Anh	Xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên
3.	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên (Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu trung tâm phía Nam thành phố Thái Nguyên)	Phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên
4.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Lệ Trạch (Khu Công nghiệp Trung Thành)	Khu Công nghiệp Trung Thành, thành phố Phổ Yên
5.	Công ty Cổ phần Apec Thái Nguyên (Khu Công nghiệp Điềm Thụy B)	Khu Công nghiệp Điềm Thụy B, huyện Phú Bình
6.	Trang trại chăn nuôi lợn bà Trần Thị Mai	Xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên
7.	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (Cụm công nghiệp Kha Sơn)	Cụm công nghiệp Kha Sơn, huyện Phú Bình
8.	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (Cụm công nghiệp Phú Lạc 2)	Cụm công nghiệp Phú Lạc 2, huyện Đại Từ
9.	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (Cụm công nghiệp Cây Bòng)	Cụm công nghiệp Cây Bòng, huyện Võ Nhai
10.	Cụm công nghiệp Cao Ngạn 1	Xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên

11.	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trung Thành Thái Nguyên (Cụm công nghiệp Khuynh Thạch)	Cụm công nghiệp Khuynh Thạch, thành phố Sông Công
12.	Công ty Trách nhiệm hữu hạn DOOSUN Việt Nam (Cụm công nghiệp Nguyên Gon)	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công
13.	Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Trọng Tín (Cụm công nghiệp Trúc Mai)	Cụm công nghiệp Trúc Mai, huyện Võ Nhai
14.	Công ty Cổ phần ĐT&PT Quốc tế Việt Á (Cụm công nghiệp Diềm Thuy)	Cụm công nghiệp Diềm Thuy, huyện Phú Bình
15.	Công ty Cổ phần tư vấn và chuyển giao công nghệ quốc tế ICT (Cụm công nghiệp số 3 Đa Phúc)	Cụm công nghiệp số 3 Đa Phúc, thành phố Phổ Yên
16.	Công ty Cổ phần Nhiệt điện An Khánh (Cụm công nghiệp An Khánh)	Cụm công nghiệp An Khánh, huyện Đại Từ
II	Khí thải (11 cơ sở)	
1.	Công ty Cổ phần luyện kim đen Thái Nguyên (Dự án xây dựng công trình nhà máy luyện gang - thép công suất 100.000 tấn/năm)	Xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ
2.	Công ty Đầu tư xây dựng và thương mại Plastic Tân Phú	Cụm công nghiệp Nguyên Gon, phường Cải Đan, thành phố Sông Công
3.	Công ty Cổ phần khoáng sản và luyện kim Trung Thành	Cụm công nghiệp Sông Công 1, thành phố Sông Công
4.	Công ty Cổ phần thép Toàn Thắng	Cụm công nghiệp Sông Công 1, thành phố Sông Công
5.	Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại ECOPLUS	Xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương
6.	Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại Hiệp Linh	Cụm công nghiệp Sông Công 1, thành phố Sông Công
7.	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hiệp Hương	Cụm công nghiệp Sông Công 1, thành phố Sông Công
8.	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tùng Chi	Cụm công nghiệp Sông Công 1, thành phố Sông Công

9.	Công ty Cổ phần Hợp kim sắt gang thép	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên
10.	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hương Đông	Cụm công nghiệp Sông Công 1, thành phố Sông Công
11.	Công ty Cổ phần Nhật Anh	Cụm công nghiệp Sông Công 1, thành phố Sông Công

Phụ lục 4

**TỔNG HỢP CÁC ĐƠN VỊ CHƯA HOÀN THÀNH VIỆC KÝ QUỸ CẢI TẠO,
PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

TT	Tên đơn vị/mỏ	Số mỏ	Giấy phép khai thác khoáng sản				Quyết định phê duyệt ĐTM/Dự án CTPHMT			Số tiền đã ký quỹ đến 31/12/2022 <i>(đơn vị tính: đồng)</i>	Số tiền chưa ký quỹ đến 31/12/2022 <i>(đơn vị tính: đồng)</i>
			Số giấy phép; Diện tích (ha)	Ngày cấp	Thời gian KT	Năm hết hạn GPKT	Số, ngày tháng cơ quan phê duyệt	Số lần ký quỹ	Tổng số tiền phải thực hiện ký quỹ theo Quyết định <i>(đơn vị tính: đồng)</i>		
I	ĐƠN VỊ KÝ QUỸ THIỂU (31 mỏ/17 đơn vị)	31								14.446.324.995	29.532.294.964
1	Hợp tác xã công nghiệp và vận tải Chiến Công	10								3.866.416.755	16.734.730.302
1.1	Mỏ sắt Ký Phú, xã Ký Phú, huyện Đại Từ		2940/GP-UBND	06/12/2010	9,0	06/12/2019	6330/QĐ-UBND huyện Đại Từ ngày 25/11/2010	9	1.131.726.704	777.173.612	354.553.092
1.2	Mỏ sắt Tương Lai, xã Hoá Trung, huyện Đồng Hỷ		1233/GP-UBND	03/06/2009	22,0	03/06/2031	1119/QĐ-UBND huyện Đồng Hỷ ngày 21/5/2009	22	1.433.393.849	606.763.191	814.822.989
1.3	Mỏ sắt Ngàn Me, xã Tân Lợi, huyện Đồng Hỷ		1232/GP-UBND	03/06/2009	21,5	03/12/2030	695/QĐ-UBND huyện Đồng Hỷ ngày 18/5/2009	21	984.627.172	365.180.696	696.578.328
1.4	Mỏ sắt Nhâu, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai và xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ		1231/GP-UBND	03/06/2009	9,5	03/12/2018	1075/QĐ-UBND huyện Võ Nhai ngày 20/05/2009	11	939.036.445	354.747.101	1.162.192.773
1.5	Mỏ sắt - mangan Đám Bàng, xã Bán Ngoại, huyện Đại Từ		1121/GP-UBND	17/05/2010	13,0	17/05/2023	1261/QĐ-UBND huyện Đại Từ ngày 17/3/2011	13	985.215.008	79.163.150	906.051.864

1.6	Mỏ mangan - sắt Phú Tiến, xã Phú Tiến, huyện Định Hóa		1122/GP-UBND	17/05/2010	14,0	17/05/2024	Số 02/QĐ-UBND Định Hóa ngày 05/01/2011	14	1.003.494.538	694.726.988	247.014.040
1.7	Mỏ sắt Đá Liền, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ		2937/GP-UBND	06/12/2010	14,0	06/12/2024	11043/QĐ-UBND huyện Đại Từ ngày 29/12/2010	15	3.933.593.499	104.483.089	6.306.584.489
1.8	Mỏ chì kẽm Bó Toòng - Lũng Áp, xã Sáng Mộc, huyện Võ Nhai		678/GP-UBND	29/03/2010	5,0	29/03/2015	1014/QĐ-UBND tỉnh ngày 18/5/2012	5	2.544.887.811	432.630.928	2.112.256.883
1.9	Mỏ vàng gốc Tân Kim, xã Thần Xa, huyện Võ Nhai		2145/GP-UBND	17/09/2010	17,0	17/09/2027	2078/QĐ-UBND tỉnh ngày 16/8/2011	17	912.020.929	247.548.000	753.626.946
1.10	Mỏ sắt Cù Vân, xã Cù Vân, huyện Đại Từ		2939/GP-UBND	06/12/2010	11,5	06/06/2022	6332/QĐ-UBND huyện Đại Từ - 25/11/2010	11	2.189.256.990	204.000.000	3.381.048.898
2	Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng và Phát triển nông thôn miền núi	1								2.634.826.985	2.832.789.917
	Mỏ quặng titan khu vực Làng Lân - Hải Hoa, thị trấn Đu và xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương		1627/GP-BTNMT	27/06/2019	12,5	27/12/2031	1585/QĐ-BTNMT ngày 30/6/2017	14	12.479.805.000	2.634.826.985	2.832.789.917
3	Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng Trường phát	1					101/GP-UBND - 19/01/2012			178.914.276	17.246.263
	Mỏ cát sỏi xóm Lò xã NamTiến; xóm Vạn Kim và xóm Cầu Sơn xã Trung Thành, Phố Yên		100/GP-UBND	19/01/2012	30	19/01/2042	8090/QĐ-UBND huyện Phố Yên - 11/7/2011	30	344.275.215	178.914.276	17.246.263
4	Công ty Cổ phần Yên Phước	1							2.156.734.657	1.665.152.216	155.203.472
	Mỏ Than Minh Tiến, xã Minh Tiến, huyện Đại Từ		1091/GP-UBND	02/6/2014		28/6/2031	3410/QĐ-UBND Đại Từ - 13/06/2011	20	2.156.734.657	1.665.152.216	155.203.472
5	Công ty Cổ phần hợp tư khoáng sản Nhạc Long Kim Sơn	1								737.100.000	709.293.442

	Mỏ sắt Cây Thị, xã Cây Thị, Đông Hồ		1609/GP-UBND	28/6/2011	19,0	28/06/2030	2981/QĐ-UBND Đông Hồ - 01/8/2011	19	1.228.482.386	737.100.000	709.293.442
6	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kim loại màu Việt Bắc	1								1.217.563.131	1.560.401.447
	Mỏ than Cát Nê, xã Cát Nê, huyện Đại Từ, xã Phúc Thuận, huyện Phổ Yên		1612/GP-UBND	28/6/2011	18,0	28/06/2029	6814/QĐ-UBND Đại Từ - 21/8/2009	15	1.706.080.093	1.217.563.131	1.560.401.447
7	Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên khoáng sản và bất động sản Anh Thắng	1								27.562.000	182.763.542
	Mỏ sắt Hoan, xã Cây Thị, huyện Đông Hồ		3447/GP-UBND	25/12/2009	14,0	25/12/2023	904/QĐ-UBND 07/04/2011	14	210.325.867	27.562.000	182.763.542
8	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và khai khoáng Việt Bắc	2								372.007.206	459.246.273
8.1	Mỏ dolomit Làng Lai, xã La Hiên, huyện Võ Nhai		2878/QĐ-ĐCKS	3/12/1998	30,0	3/12/2028	2920/QĐ-UBND 04/11/2009	20	436.321.953	148.863.671	387.328.284
8.2	Mỏ đá Na Đòa, xã Minh Lập, huyện Đông Hồ		665/QĐ-UBND	2/4/2009	2	2/4/2011	536/QĐ-UBND - 16/3/2009		276.375.000	107.175.000	0
			2348/QĐ-UBND	7/11/2013	17,75	7/8/2031	2469/QĐ-UBND 03/11/2014	17	275.637.906	115.968.535	71.917.989
9	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đức Vạn Thông Thái Nguyên Việt Trung	1								869.146.372	1.923.942.429
	Mỏ thiếc đồng Núi Pháo, xã Cù Ván, Đại Từ		1497/GP-UBND	20/6/2011	16,5	20/12/2027	2076/QĐ-UBND - 16/08/2011	16,5	2.138.376.000	869.146.372	1.923.942.429
10	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Doanh Trí	4								943.195.606	2.955.591.526
10.1	Mỏ Barit Lục Ba, xã Lục Ba, huyện Đại Từ		2336/GP-UBND	21/9/2009	3,0	21/09/2012	Số 6766/QĐ-UBND Đại Từ ngày 19/8/2009	5	52.295.710	52.295.710	0

			66/GP-UBND	8/1/2015	10,0	8/1/2025	3035/QĐ-UBND tỉnh 24/12/2014	10	292.707.939	142.771.190	78.443.185
10.2	Mỏ chì kẽm Côi Kỳ, xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ		1608/GP-UBND	28/6/2011	11,0	28/06/2022	1197/QĐ-UBND 26/6/2013	6	1.197.646.962	698.128.706	1.559.567.768
10.3	Mỏ chì kẽm Hang Chùa xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ		09/GP-UBND	4/1/2018	17,25	4/4/2035	2963/QĐ-UBND 28/9/2017	18	502.699.727	25.000.000	196.041.615
10.4	Mỏ cát sỏi khu vực xóm Ngược, xã Nhà Lộng, xã Bảo Lý, huyện Phú Bình		2531/GP-UBND	21/8/2017	18,0	21/08/2035	2113/QĐ-UBND 11/7/2017	18	2.314.857.058	25.000.000	1.121.538.958
11	Công ty Cổ phần khoáng sản và công nghiệp Cao Bằng	2								660.063.000	861.965.249
11.1	Mỏ Angtimon Văn Lãng, xã Văn Lãng, huyện Đồng Hỷ		1602/GP-UBND	28/6/2011	14,5	28/12/2025	1632/QĐ-UBND 31/7/2012	14	616.514.825	312.725.000	453.726.839
11.2	Mỏ Angtimon Pò Tền, xã Văn Lãng, huyện Đồng Hỷ		1603/GP-UBND	28/6/2011	15,5	28/12/2026	1633/QĐ-UBND-31/7/2012	15	639.828.435	347.338.000	408.238.410
12	Công ty Trách nhiệm hữu hạn mỏ Nhân Thịnh	1								40.219.728	96.345.391
	Cát sỏi Sông Cầu, Minh Cầu, Đồng Hỷ và xã Vô tranh, Tức Tranh, huyện Phú Lương		1652/GP-UBND	29/6/2011	29,0	29/06/2040	1731/QĐ-UBND Phú Lương - 27/6/2011	29	205.666.431	40.219.728	96.345.391
13	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Minh Hiền VHC	1								395.647.720	68.384.749
	Mỏ đá Đồng Luông, xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ		1658/QĐ-UBND	29/06/2011	30,0	29/06/2041	3714/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	20	1.454.556.078	395.647.720	68.384.749
14	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đồng Phú	1								168.510.000	28.609.067
	Mỏ đá Nước Lạnh 2, xã Tân Long, Quang Sơn, Đồng Hỷ		1329/GP-UBND	30/05/2011	30,0	30/05/2041	1383/QĐ-UBND Đồng Hỷ - 17/5/2011	30	877.338.058	168.510.000	28.609.067
15	Hợp tác xã Tiến Hào	1								170.000.000	390.076.687
	Mỏ cát, sỏi khu vực Sông Cầu, xã Văn Lãng, huyện Đồng Hỷ		2222/GP-UBND	28/10/2013	14,5	28/04/2028	5370/QĐ-UBND Đồng	16	498.497.758	170.000.000	390.076.687

							Hỷ - 28/12/2011				
16	Công ty Cổ phần Phú Cường Thái Nguyên	1								250.000.000	276.960.436
	Mô đất san lấp tại khu vực các xóm Làng Cà, Làng Ngò, Vực Giàng, Tân Hòa, Phú Bình		2181/GP-UBND	17/7/2019	13,5	17/1/2033	1578/QĐ-UBND 10/6/2019	14	1.275.724.000	250.000.000	276.960.436
17	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cường Đại	1								250.000.000	278.744.772
	Mô đất làm vật liệu san lấp tại khu vực Núi Đậu, xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên		1020/GP-UBND	16/04/2020	15	16/04/2035	3183/QĐ-UBND 30/9/2019	15	1.502.037.500	250.000.000	278.744.772
II	ĐƠN VỊ CHƯA KÝ QUỸ (03 mô/03 đơn vị)	3								-	2.410.474.797
1	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đại Phúc	1									220.265.804
	Mô đất xóm Bờ Lỡ, phường Vinh Sơn, thành phố Sông Công (<i>nay là Phường Châu Sơn, thành phố Sông Công</i>)		1116/GP-UBND -	29/04/2011	5,0	29/04/2016	769/QĐ-UBND TX Sông Công - 9/4/2011	4	128.877.988	0	220.265.804
2	Chi nhánh công ty Cổ phần Ban Tích tại Thái Nguyên	1									457.793.711
	Bãi thải Na Mọn, xóm Na Mọn, xã Phú Lý, huyện Phú Lương		325/GP-BTNMT	25/03/2005	24	25/09/2028	3057/QĐ-UBND- 05/11/2015	15	654.905.534	0	457.793.711
3	Công ty Cổ phần Đầu tư công nghiệp xây dựng Hà Nội	1									1.732.415.282
	Mô cát sỏi khu vực xóm Nga My xã Nga My và xóm Đông Ngọc, xã Hà Châu, huyện Phú Bình		1982/GP-UBND	03/7/2017	10	3/7/2027	572/QĐ-UBND ngày 14/3/2017	20	3.704.651.660	0	1.732.415.282
Tổng 34 mô/ 20 đơn vị		34								14.446.324.995	31.942.769.760

Phụ lục 5
TỔNG HỢP CÁC ĐƠN VỊ CÒN NỢ THUẾ, PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TÍNH ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CƠ SỞ, ĐƠN VỊ	Số nợ	Ghi chú
TỔNG SỐ		31.774	
I	PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	31.730	
1	Công ty Cổ phần Thương mại và sản xuất CACO3 Quang Sơn	10	
2	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đức Vạn Thông Thái Nguyên Việt Trung	486	
3	Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xi măng Quang Sơn	646	
4	Công ty Cổ phần Đầu tư thương Mại Thủ Đô Gió Ngàn	563	
5	Công ty Cổ phần Đầu tư khai khoáng Bình Sinh	10	
6	Công ty Cổ phần LEADERTECH Việt Nam	237	
7	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Cường Phúc	1	
8	Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khoáng Sản và Bất động sản Anh Thắng	765	
9	Công ty Cổ phần xây dựng và sản xuất vật liệu Thái Nguyên	133	
10	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bê tông xây dựng Việt Cường	216	
11	Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bê tông xây dựng Việt Cường	89	
12	Công ty Cổ phần Khai khoáng miền Núi	203	

13	Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Khai Khoáng Miền Núi Xí Nghiệp Than An Khánh Cù Vân	2	
14	Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	7.519	
15	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đông Việt Thái Nguyên	2	
16	Công ty Cổ phần Phát Nguyên Đình	0,2	
17	Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây Dựng Thái Nguyên	1	
18	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đức Thắng	11	
19	Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Thương mại Đăng Dương	13	
20	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cường Đại	43	
21	Hợp tác xã Khai thác & Sản xuất vật liệu xây dựng Quyết Thắng	10	
22	Công ty Cổ phần Vận tải xây dựng Tân Hưng Thịnh	482	
23	Công ty Cổ phần Phú Cường Thái Nguyên	31	
24	Chi nhánh Thái Nguyên - Công ty Cổ phần Quốc Cường Mê Linh	23	
25	Hợp tác xã công nghiệp và vận tải Chiến Công	17.400	
26	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Nước uống tinh khiết Thái Nguyên	1	
27	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chung Mai Thái Nguyên	22	
28	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và vận tải 678 Đại Từ	34	
29	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chiến Oanh	5	
30	Hợp tác xã Quần Sơn	6	

31	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Xây dựng Tập Trung	35	
32	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Đồng Phú	548	
33	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch Vụ và Thương mại Cao Bắc	888	
34	Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Công nghiệp Cao Bằng	631	
35	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bình Dương	341	
36	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hanh Hạnh	5	
37	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Là Dương	7	
38	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thái Việt	2	
39	Công ty Cổ phần Đầu tư xây Dựng và Thương mại Minh Dũng	3	
40	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xây dựng Bắc Ninh	50	
41	Công ty Cổ phần Đầu tư xây Dựng và Thương mại Thái Dương	4	
42	Công ty Cổ phần Đầu tư xây Dựng và Thương mại Hòa Phát	68	
43	Công ty Cổ phần Bảo Khánh Thái Nguyên	10	
44	Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hưng Vịnh Thái Nguyên	173	
45	Công ty Trách nhiệm hữu hạn 5H	0,3	
46	Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Đông Bắc	2	
II	THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	44	
1	Công Ty Cổ Phần Yên Phước (Mỏ Than Minh Tiến, Đại Từ, Thái Nguyên)	44	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 96/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Xét Tờ trình số 180/TTr-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026 như sau:

I. Kỳ họp thường lệ giữa năm 2024

1. Thời gian: Tháng 7 năm 2024.

2. Nội dung

a) Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến về các báo cáo sau:

- Các báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, gồm: Báo cáo công tác 6 tháng đầu năm 2024; báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thường lệ giữa năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh; báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ mười sáu và các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; báo cáo về kết quả thực hiện Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2023.

- Thông báo hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia xây dựng chính quyền 6 tháng đầu năm 2024.

- Báo cáo kết quả công tác 6 tháng đầu năm 2024 của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

- Các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh 6 tháng đầu năm 2024, gồm: Báo cáo về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; báo cáo thực hiện ngân sách nhà nước; báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng; báo cáo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; báo cáo công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; báo cáo kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; báo cáo kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ mười sáu, Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV.

- Báo cáo về việc thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật và các báo cáo theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng nhân dân tỉnh sẽ ban hành nghị quyết về chất vấn.

c) Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc ban hành các nghị quyết sau:

- Nghị quyết về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024.

- Nghị quyết về kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ mười sáu và các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Nghị quyết về Chương trình giám sát năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- Nghị quyết về thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2025.

- Nghị quyết về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên.

- Nghị quyết thông qua Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2023 - 2025.

- Nghị quyết ban hành Danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Lưu trữ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Nghị quyết về việc cho ý kiến điều chỉnh Dự án xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Diềm Thụy - Khu A.

- Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2024 - 2025.

- Nghị quyết quy định cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Nghị quyết thông qua điều chỉnh Chương trình Phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Nghị quyết thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án bảo vệ và phát triển rừng sản xuất, phòng hộ, đặc dụng và nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Thái Nguyên.

II. Kỳ họp thường lệ cuối năm 2024

1. Thời gian: Trước ngày 10 tháng 12 năm 2024.

2. Nội dung

a) Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến về các báo cáo sau:

- Các báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, gồm: Báo cáo công tác năm 2024; báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thường lệ cuối năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh; báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thường lệ giữa năm 2024 và các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Báo cáo của Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát chuyên đề việc thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025.

- Thông báo hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia xây dựng chính quyền năm 2024.

- Báo cáo kết quả công tác năm 2024 của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

- Các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2024, gồm: Báo cáo về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; báo cáo tài chính ngân sách nhà nước năm 2023; báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023; báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm 2025 - 2027 tỉnh Thái Nguyên; báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng; báo cáo công tác

thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; báo cáo công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; báo cáo kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; báo cáo kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thường lệ giữa năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV.

- Báo cáo về việc thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật và các báo cáo theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng nhân dân tỉnh sẽ ban hành nghị quyết về chất vấn.

c) Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc ban hành các nghị quyết sau:

- Nghị quyết về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

- Nghị quyết thông qua Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- Nghị quyết thông qua kết quả giám sát chuyên đề việc thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025.

- Nghị quyết về kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thường lệ giữa năm 2024 và các ý kiến, kiến nghị tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Nghị quyết thông qua Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2025.

- Nghị quyết cho ý kiến về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên.

- Nghị quyết thông qua danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Nghị quyết thông qua Bảng giá đất giai đoạn 2025 - 2029 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

- Nghị quyết về giao biên chế công chức hành chính, quyết định biên chế sự nghiệp năm 2025 tỉnh Thái Nguyên.

- Nghị quyết về giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã năm 2025 của tỉnh Thái Nguyên.

- Nghị quyết thông qua điều chỉnh Chương trình Phát triển nhà ở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030 định hướng đến năm 2035.

- Nghị quyết về phân bổ dự toán ngân sách năm 2025 tỉnh Thái Nguyên.

- Nghị quyết phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2023 tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan tư pháp triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế và theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh để quyết định điều chỉnh, bổ sung nội dung trình tại các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh; quyết định tổ chức họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười sáu thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 97/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Thông qua kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới trước và sau Kỳ họp thứ mười ba; các ý kiến, kiến nghị của cử tri tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 về Chương trình giám sát năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên;

Sau khi nghe Báo cáo số 175/BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới trước và sau Kỳ họp thứ mười ba; các ý kiến, kiến nghị của cử tri tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Xét Tờ trình số 176/TTr-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới trước và sau Kỳ họp thứ mười ba; các ý kiến, kiến nghị của cử tri tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Báo cáo kết quả giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới trước và sau Kỳ họp thứ mười ba; các ý kiến, kiến nghị của cử tri tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

1. Kết quả đạt được

Các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới trước và sau Kỳ họp thứ mười ba; các ý kiến, kiến nghị của cử tri tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh có tổng số 132 ý kiến, kiến nghị. Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp thu, giải quyết và trả lời 100% các ý kiến, kiến nghị của cử tri. Thống nhất chuyển 16 ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung ương; 10 ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện; số ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền cấp tỉnh cần xem xét, giải quyết là 106 ý kiến, kiến nghị. Trong số 106 ý kiến thuộc thẩm quyền cấp tỉnh có 72/106 ý kiến, kiến nghị của cử tri đã giải quyết xong và giải trình, thông tin tới cử tri, đạt tỷ lệ 67,92%; 34/106 ý kiến, kiến nghị đang giải quyết, chiếm tỷ lệ 32,08%. Nhìn chung, việc tiếp nhận, giải quyết, trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri đã được thực hiện đúng quy định, nội dung trả lời cơ bản đầy đủ, nhiều kiến nghị được xem xét, giải quyết kịp thời, đáp ứng nguyện vọng của cử tri.

2. Hạn chế

- Việc tổng hợp, phân loại ý kiến, kiến nghị của cử tri ở một số địa phương còn có nội dung chưa được nghiên cứu kỹ, chưa phản ánh chính xác ý kiến của cử tri và chưa đúng thẩm quyền giải quyết.

- Việc trả lời kết quả giải quyết tới cử tri còn có nội dung chưa sát, đúng với ý kiến, kiến nghị của cử tri; có ý kiến, kiến nghị chưa được trả lời đầy đủ, rõ ràng và chưa xác định rõ lộ trình, thời gian giải quyết.

- Việc đánh giá, xác định kết quả giải quyết đối với một số kiến nghị chưa chính xác. Còn một số ý kiến, kiến nghị của cử tri, đặc biệt là các ý kiến, kiến nghị kéo dài qua nhiều kỳ họp chưa được giải quyết dứt điểm; một số kiến nghị chuyển Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết nhưng tiến độ thực hiện còn chậm.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến và thông tin về các chương trình, dự án và kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri dù đã được thực hiện nhưng vẫn còn tình trạng người dân ở một số địa phương chưa đồng thuận làm chậm tiến độ dự án, ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của Nhân dân.

2. Nguyên nhân

- Sự phối hợp của một số Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện trong việc tổng hợp, phân loại ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh chưa thường xuyên, thiếu chặt chẽ.

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực sự quyết liệt trong việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri nên vẫn còn những vấn đề tồn đọng, kéo dài, chưa được giải quyết dứt điểm.

- Nhiều ý kiến, kiến nghị của cử tri có liên quan đến việc bố trí nguồn lực để đầu tư nên cần có lộ trình, thời gian mới có thể giải quyết. Một số ý kiến,

kiến nghị liên quan đến việc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đòi hỏi phải có đánh giá, rà soát, tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ và cân bố trí kinh phí, thời gian mới có thể xử lý, khắc phục được.

- Một số ý kiến, kiến nghị liên quan đến cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền giải quyết của Chính phủ, các cơ quan Trung ương, do vậy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ có thể tiếp thu, kiến nghị với cấp có thẩm quyền để giải quyết và giải trình thông tin đến cử tri. Một số ý kiến, kiến nghị của cử tri liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, một số nội dung trong thực tế triển khai phát sinh những khó khăn, vướng mắc do vậy cần có thời gian để giải quyết dứt điểm.

Điều 2. Để tiếp tục nâng cao chất lượng giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri, Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu:

1. Đối với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

- Chỉ đạo các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thường xuyên thực hiện giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri.

- Chỉ đạo các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp chặt chẽ với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện trong việc tổng hợp, phân loại ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo đầy đủ, chính xác, đúng thẩm quyền.

- Tăng cường giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri đang trong quá trình giải quyết và ý kiến, kiến nghị gửi đến các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; báo cáo kết quả giám sát với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Đối với các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri. Thường xuyên theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả giải quyết, trả lời ý kiến, kiến nghị để thông tin đến cử tri tại địa phương đối với những nội dung giải quyết chưa đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của cử tri, kịp thời kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

- Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tăng cường phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc cấp huyện tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri đảm bảo rõ địa chỉ, chính xác về nội dung, đúng thẩm quyền để tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan chức năng trong việc xem xét, giải quyết và trả lời, thông tin đến cử tri.

- Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, cần tăng cường hoạt động giám sát, thông tin, tuyên truyền về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri; chủ động tiếp xúc, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cử tri.

4. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

- Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri theo đúng quy định, không để tồn đọng, kéo dài; tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt Quy chế tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri do Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chuyển đến.

- Thường xuyên rà soát tiến độ, đôn đốc, xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri. Tập trung chỉ đạo, giải quyết 34 ý kiến, kiến nghị của cử tri đang trong quá trình giải quyết; xác định rõ lộ trình và thời gian giải quyết; giải quyết dứt điểm những việc có đủ điều kiện, khả năng giải quyết, đặc biệt là các ý kiến, kiến nghị của cử tri kéo dài qua nhiều kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực đang phát sinh nhiều ý kiến, kiến nghị của cử tri như công tác quản lý quy hoạch, quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên và môi trường, quản lý dự án đầu tư, xây dựng cơ bản, bồi thường giải phóng mặt bằng.

- Đối với các ý kiến, kiến nghị của cử tri liên quan đến chế độ, chính sách chưa có quy định cụ thể của Trung ương và của tỉnh, còn có vướng mắc trong triển khai thực hiện, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành, địa phương có hướng dẫn, giải thích cụ thể để cử tri hiểu và có sự đồng thuận.

- Đối với các ý kiến, kiến nghị của cử tri về đầu tư, xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông, thủy lợi; cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở y tế... còn khó khăn về nguồn lực chưa thực hiện được, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục quan tâm, cân đối kinh phí để đầu tư theo thứ tự ưu tiên, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của cử tri.

- Đối với một số ý kiến, kiến nghị liên quan đến các nội dung đang trong quá trình thanh tra, kiểm tra, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục quan tâm, chỉ đạo cơ quan chức năng sớm ban hành kết luận thanh tra, kiểm tra để có cơ sở giải quyết dứt điểm các vấn đề cử tri quan tâm.

- Đối với các ý kiến, kiến nghị của cử tri liên quan đến tình trạng sạt lở bờ sông tại một số địa phương, đề nghị xây dựng kè, hiện chưa cân đối được kinh phí để thực hiện, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các địa phương, các ngành liên quan thường xuyên kiểm tra, đánh giá mức độ ảnh hưởng và có phương án sẵn sàng để bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản của người dân.

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng, địa phương thường xuyên kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, các trang trại chăn nuôi trên địa bàn tỉnh gây ô nhiễm môi trường hoặc tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; yêu cầu các cơ sở thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật và kiên quyết xử lý vi phạm (nếu có).

- Tiếp tục kiến nghị với các cơ quan Trung ương xem xét, giải quyết đối với 16 ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung ương và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Tăng cường đôn đốc, chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xem xét, giải quyết đối với 05 ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền. Đồng thời chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Giao các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười sáu thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

TỔNG HỢP Ý KIẾN, KIẾN NGHỊ THUỘC THẨM QUYỀN CẤP TỈNH ĐANG GIẢI QUYẾT

(Kèm theo Nghị quyết số: 97/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

34 ý kiến, kiến nghị

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
I	Ý KIẾN, KIẾN NGHỊ GỬI ĐẾN TRƯỚC KỶ HỌP THỨ 13, HĐND TỈNH KHÓA XIV (07 ý kiến, kiến nghị)		
1	Cử tri phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên phản ánh: Hoạt động sản xuất của Công ty Cổ phần Hợp kim sắt - Gang thép Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Cơ điện Luyện kim Thái Nguyên gây ra khói bụi, tiếng ồn, làm ô nhiễm môi trường tại khu vực tổ dân phố 13. Đề nghị tỉnh kiểm tra, có giải pháp khắc phục.	<p>1. Nhà máy Hợp kim sắt gang thép của Công ty Cổ phần Hợp kim sắt - Gang thép Thái Nguyên được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo ĐTM, đã xây dựng đầy đủ các công trình xử lý chất thải theo ĐTM được duyệt (gồm: công trình thu gom, xử lý khí thải, nước thải, khu vực lưu giữ chất thải rắn...); được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép môi trường số 3068/GPMT-UBND ngày 08/12/2022.</p> <p>Sau khi được cấp giấy phép môi trường, Công ty đã vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải. Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, lấy mẫu quan trắc đánh giá hiệu quả xử lý nằm trong quy chuẩn cho phép.</p> <p>Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, ngày 14/9/2023 Sở Tài nguyên và Môi trường đã làm việc, xác minh thực tế tại Công ty Cổ phần Hợp kim sắt - Gang thép Thái Nguyên cho thấy hiện tại Công ty chỉ vận hành 01 lò điện hồ quang công suất 3.500KVA từ đầu tháng 6/2023. Quá trình hoạt động Công ty duy trì vận hành hệ thống lọc bụi túi vải đã lắp đặt và được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép, bằng cảm quan không nhận thấy khí thải bất thường từ hệ thống xử lý khí thải. Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tiếp tục theo dõi, giám sát tình hình hoạt động sản xuất, đôn đốc Công ty triển khai lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải theo đúng tiến độ đã được Ủy ban</p>	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
		<p>nhân dân tỉnh yêu cầu; thực hiện lấy mẫu đột xuất khi có dấu hiệu xả thải gây ô nhiễm.</p> <p>2. Công ty Cổ phần Cơ điện Luyện kim Thái Nguyên</p> <p>Nhà máy sản xuất Ferro Silic của Công ty Cổ phần Cơ điện Luyện kim Thái Nguyên được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo ĐTM, đã xây dựng đầy đủ hệ thống xử lý khí thải, nước thải, khu vực lưu giữ chất thải rắn theo quy định; được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép môi trường số 235/GPMT-UBND ngày 17/02/2023 cho 01 lò điện hồ quang có công suất thiết kế 181.912 m³/giờ.</p> <p>Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, ngày 18/9/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường đã làm việc, xác minh tại nhà máy cho thấy nguyên nhân tình trạng ô nhiễm khói bụi là do việc cắt điện đột ngột, giảm công suất điện kéo dài đã dẫn đến sự cố tại hệ thống lọc bụi, cháy máy nén khí rũ bụi làm phát tán bụi ra môi trường. Ngay sau khi xảy ra sự cố, ngày 31/8/2023 Công ty đã dừng hoạt động để sửa chữa lần 1. Đến ngày 04/9/2023 tiếp tục xảy ra sự cố. Để đảm bảo công tác bảo vệ môi trường, Công ty đã dừng toàn bộ hoạt động sản xuất từ ngày 04/9 - 06/9/2023 để thay thế các thiết bị của hệ thống lọc bụi, gồm các hạng mục như: thay thế lọc bụi túi vải; hệ thống rũ bụi; bổ sung đập bụi nước tại đỉnh ống khói...Đến nay việc cải tạo khắc phục đã hoàn thành và hoạt động trở lại. Thời gian tới Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tiếp tục làm việc, yêu cầu Công ty triển khai thực hiện quan trắc khí thải, trường hợp không đạt quy chuẩn sẽ tiếp tục yêu cầu công ty thực hiện biện pháp khắc phục.</p>	
2	Cử tri phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh đẩy nhanh tiến độ triển khai	Dự án khu đô thị Nam sông Cầu đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
	các dự án đã được phê duyệt, cụ thể: Dự án khu đô thị Nam sông Cầu.	<p>11/4/2023, trong đó tiến độ thực hiện dự án là từ Quý II/2023 đến Quý III/2028.</p> <p>Dự án hiện nay đang trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ phối hợp với Nhà đầu tư và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Dự án theo tiến độ và chủ trương đầu tư đã được phê duyệt.</p>	
3	Cử tri xã Văn Yên, huyện Đại Từ phản ánh: Hệ thống cống thoát nước tuyến đường ĐT263B (khu vực chân dốc Na Mu) bị đất vùi lấp gây tắc cống. Đề nghị tỉnh kiểm tra, giải quyết.	<p>Ngày 15/9/2023, đại diện Sở Giao thông vận tải đã phối hợp với phòng Kinh tế hạ tầng huyện Đại Từ, Ủy ban nhân dân xã Văn Yên, đơn vị Quản lý bảo dưỡng thường xuyên tuyến ĐT.263B kiểm tra thực tế tại hiện trường nội dung kiến nghị của cử tri, sau khi kiểm tra các bên đã thống nhất:</p> <p>Vị trí mà cử tri xã Văn Yên phản ánh cống thoát nước bị vùi lấp gây tắc cống là tại Km 14+560 (khu vực chân dốc Na Mu) nhưng qua kiểm tra hiện trường tại vị trí này không thấy có cống thoát nước ngang (không có cống ngang hoặc cống ngang đã bị hỏng, vùi lấp sâu dưới lòng đất), đồng thời bên trái tuyến không có rãnh thoát nước dọc do vướng mặt bằng (mái tôn, tường rào, cây to của các hộ dân).</p> <p>Đề thoát nước khu vực chân dốc Na Mu theo phản ánh cử tri xã Văn Yên, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ và Ủy ban nhân dân xã Văn Yên vận động các hộ dân hiến đất, tài sản trên đất để có mặt bằng đào rãnh dọc thoát nước khu vực chân dốc Na Mu về vị trí cống tròn D75 tại Km14+850. Sau khi có mặt bằng, Sở Giao thông vận tải sẽ bảo dưỡng thường xuyên tuyến đường ĐT.263B thực hiện ngay việc đào rãnh dọc thoát nước.</p>	
4	Cử tri xã Điem Mặc, xã Bình Yên, huyện Định Hóa đề	Ngày 31/8/2023, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông đã cùng đơn vị Tư vấn thiết kế và Ủy ban nhân dân xã	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
	nghị tỉnh: Làm gờ giảm tốc độ (khu vực ngã tư xóm Trung Tâm).	Bình Yên thực hiện kiểm tra thực tế hiện trường và thống nhất bổ sung thiết kế hệ thống gờ giảm tốc theo đúng kiến nghị của Cử tri để tổ chức triển khai thi công theo quy định. Hiện nay, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông đang chuẩn bị thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu thi công, dự kiến khởi công trong tháng 11/2023.	
5	Cử tri xã Trung Hội, huyện Định Hóa đề nghị tỉnh xây dựng hệ thống rãnh thoát nước thuộc tuyến đường Quốc lộ 3C để giải quyết tình trạng ngập úng tại khu vực hồ Thẩm Co.	Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Giao thông vận tải phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Định Hoá, Ủy ban nhân dân xã Trung Hội để kiểm tra các nội dung kiến nghị của cử tri. Sau khi kiểm tra Sở sẽ tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh phương án giải quyết kiến nghị của cử tri.	
6	Cử tri phường Tiên Phong, thành phố Phổ Yên đề nghị tỉnh: Công trình Đền thờ vua Lý Nam Đế mặc dù chưa đưa vào sử dụng nhưng đã có các vết nứt trên phần mái. Đề nghị tỉnh kiểm tra chất lượng xây dựng, đồng thời sớm hoàn thiện công trình đưa vào sử dụng.	<p>Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích Đền thờ Lý Nam Đế (Đền Mục) tại xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên (nay là phường Tiên Phong, thành phố Phổ Yên), tỉnh Thái Nguyên được triển khai xây dựng từ năm 2019, dự kiến hoàn thành năm 2023.</p> <p>Dự án được thực hiện ủy thác quản lý dự án tại Văn bản số 1830/UBND-KGVX ngày 17/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, đơn vị được ủy thác quản lý dự án là: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>Hiện nay, các hạng mục thi công hoàn thành 5/14 các hạng mục của dự án gồm: Tiền tế - Trung từ - Hậu cung; Đền Mẫu; Lầu Cô - Lầu Cậu; Lầu hóa sớ; Nhà bảo quản cầu kiện phục vụ thi công.</p> <p>Sau một thời gian thi công các hạng mục có sự co ngót của kết cấu gỗ phần mái nên một số vị trí bờ mái (hạng mục Tiền tế, Trung từ, Hậu</p>	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
		<p>cung) của công trình xuất hiện một số vết nứt (phần đắp vữa). Sau khi nhận được ý kiến phản ánh của địa phương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên đề nghị đơn vị thi công kịp thời khắc phục, hoàn thiện lại các vết nứt trên. Đến nay, đơn vị thi công đã khắc phục xong các vết nứt.</p>	
7	<p>Cử tri xã Kha Sơn, huyện Phú Bình đề nghị tỉnh quan tâm, bố trí kinh phí tu sửa, nâng cấp di tích Đình Kha Sơn Thượng, Đình Kha Sơn Hạ.</p>	<p>Cụm di tích Kha Sơn, huyện Phú Bình có 05 điểm di tích, được Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng tại Quyết định số 985/QĐ-VH ngày 07/5/1997 và đã được Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) tôn tạo 03 lần vào các năm 1999, 2007 và 2021.</p> <p>Hai điểm di tích đình Kha Sơn Thượng, Kha Sơn Hạ được thực hiện tu bổ trong giai đoạn 2005 - 2006 bằng nguồn kinh phí theo Quyết định số 984/QĐ-TTg ngày 25/10/1999 của Thủ tướng về việc Phê duyệt quy hoạch tổng thể đầu tư, phục hồi, bảo tồn, tôn tạo và phát huy khu di tích lịch sử cách mạng và kháng chiến “Chiến khu Việt Bắc” tại địa điểm xây dựng di tích là vùng đất có nhiều môi, do vậy, bị môi xâm nhập, không kịp thời phòng chống nên hiện trạng di tích bị xuống cấp, hệ thống cột trụ, xà ngang và các cấu kiện phần gỗ bị môi mọt, gây hỏng nghiêm, trọng ảnh hưởng đến kết cấu công trình, không đảm bảo an toàn an toàn cho người dân khi sinh hoạt tín ngưỡng tại di tích.</p>	
II	Ý KIẾN, KIẾN NGHỊ GỬI ĐẾN SAU KỲ HỌP THỨ 13, HĐND TỈNH KHÓA XIV (02 ý kiến, kiến nghị)		
8	<p>Cử tri xã Đào Xá, huyện Phú Bình đề nghị tỉnh quan tâm, nghiên cứu xây dựng bia tại Khu di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh nơi</p>	<p>Di tích lịch sử Kè Lũ Yên - nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đến kiểm tra công tác chống hạn (năm 1958) tại xã Đào Xá, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng tại Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 25/01/2006. Năm 2012, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tham mưu thực hiện đầu tư xây dựng bia đá ghi sự</p>	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
	Bác Hồ về thăm Trạm bơm Kè Lũ Yên.	<p>kiện tại di tích với tổng kinh phí 142.800.000 đồng.</p> <p>Để hoàn thiện các hạng mục tại di tích phục vụ công tác tuyên truyền, phát huy giá trị lịch sử của di tích đã được xếp hạng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch dự kiến trong tháng 11/2023 sẽ tổ chức kiểm tra, khảo sát hiện trạng của di tích, thống nhất với Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình và các sở, ngành có liên quan đề xuất đưa vào kế hoạch ngân sách năm 2024.</p>	
9	Cử tri phường Thuận Thành, thành phố Phủ Yên đề nghị tỉnh sớm giải quyết dứt điểm những tồn tại của Dự án Vinaxuki thuộc Khu công nghiệp Nam Phủ Yên.	<p>Ngày 29/6/2021, Ban Quản lý Các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên (Ban Quản lý) đã ban hành văn bản số 1258/BQL-QLĐT về việc chấm dứt hoạt động dự án Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu B - Khu công nghiệp Nam Phủ Yên.</p> <p>Ngày 29/6/2021, Ban Quản lý đã ban hành Văn bản số 1259/BQL-QLĐT về việc chấm dứt hoạt động Dự án đầu tư Nhà máy đúc gang và thép hợp kim cao cấp tại khu công nghiệp Nam Phủ Yên.</p> <p>Số tài sản phải thi hành án theo văn bản Ủy thác số 01 ngày 20/4/2022, vốn vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ; số 02 ngày 20/4/2022 vốn vay của BIDV-Chi nhánh Tây Hồ; số 03 ngày 22/7/2022 vốn vay là của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch.</p> <p>Trong thời gian qua, Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên đã phối hợp với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Yên để bán đấu giá và xử lý xong các tài sản như:</p> <p>1. 01 hệ thống làm mát lò đúc FBH-80T</p>	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
		<p>2. 01 Hệ thống Lò luyện Trung Tần KGPS600-1.0</p> <p>3. 02 Bộ lò luyện kim loại chạy bằng điện KGP8 (KGPS) - 1250KW</p> <p>Hiện nay, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên đã kê biên và đang làm thủ tục thẩm định giá và bán đấu giá đối với các tài sản là:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhà xưởng sản xuất 2. Nhà ăn ca kết hợp với nhà điều hành 3. 04 Trạm biến áp 4. Tường rào xây 5. 01 Cổng sắt kéo 6. 01 Lò luyện trung tần dung điện KPS -300-0,5 (5T) 7. 01 (Một) Máy phát điện màu vàng 8. 01 hệ thống phun cát và 01 bộ đầu phun nằm riêng <p>Sau khi thanh lý tài sản xong, Ban Quản lý Các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên sẽ phối hợp, thu hút Nhà đầu tư mới để xây dựng hạ tầng khu công nghiệp. Khi có Nhà đầu tư khác, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên sẽ phối hợp giải quyết các vấn đề về bồi thường, giải phóng mặt bằng cho các hộ dân bị ảnh hưởng trong khu vực Dự án, tại phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên.</p>	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
III	Ý KIẾN, KIẾN NGHỊ TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 25/NQ-HĐND NGÀY 20/7/2023 CỦA HĐND TỈNH (25 ý kiến, kiến nghị)		
10	<p>Cử tri phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh chỉ đạo Công ty Cổ phần Hải Đăng đẩy nhanh tiến độ, hoàn thiện các hạng mục của dự án Khu dân cư đời Yên Ngựa để Nhân dân ổn định cuộc sống; hoàn trả đủ 768m² đất để Tổ dân phố số 1 xây dựng Nhà văn hóa.</p>	<p>Về nội dung tiến độ thực hiện dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư đã phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên thu hồi đất được 2,268ha/2,3ha. - Diện tích đất đã được giao: 2,158ha. - Diện tích đã đền bù giải phóng mặt bằng nhưng chưa được nhà nước giao đất: 1.102m². - Về đầu tư xây dựng dự án: Nhà đầu tư đã thực hiện đầu tư hoàn chỉnh trên phần diện tích đất được giao. <p>Nhà đầu tư đang tích cực phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên giải quyết dứt điểm các khó khăn tồn tại (vướng mắc về giải phóng mặt bằng hộ ông Nguyễn Văn Thái và bà Nguyễn Thị Tuyết Mai) để hoàn thành, bàn giao dự án.</p> <p>Về việc bàn giao đất để xây dựng nhà văn hóa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện nay, nhân dân đã xây dựng 1 cơ sở thờ tự trên phần diện tích 289m², Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên đang thực hiện điều chỉnh quy hoạch chi tiết đối với phần diện tích này. - Phần diện tích còn lại, nhà đầu tư đã thực hiện giải phóng mặt bằng, bàn giao cho Ủy ban nhân dân phường Quang Trung quản lý và hoàn thiện các thủ tục về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà văn hóa cho tổ dân phố số 1. 	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
11	<p>Cử tri xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên phản ánh: Hoạt động sản xuất của Công ty TNHH xây dựng và xuất nhập khẩu 168 gây tiếng ồn, bụi, làm ô nhiễm môi trường; việc xả nước thải và cặn xi măng chảy vào ruộng canh tác, làm ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt và hoạt động sản xuất của Nhân dân. Đồng thời, trong quá trình thi công xây dựng Công ty làm hư hỏng tuyến đường của Nhân dân xóm Đầu Phần nhưng hiện nay chưa hoàn trả. Đề nghị tỉnh quan tâm, chỉ đạo, giải quyết.</p>	<p>Ngày 10/7/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân xã Thịnh Đức, Sở Xây dựng kiểm tra thực tế Trạm trộn bê tông thương phẩm của Công ty 168. Theo kết quả kiểm tra cho thấy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công ty 168 chưa hoàn thiện thủ tục pháp lý về đất đai, chứng nhận đầu tư đã hết thời hạn. Do vậy, Công ty chưa có cơ sở hoàn thành hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; chưa di chuyển tuyến đường dân sinh nối từ đường ĐT262 với hồ Đầu Phần để hoàn trả đường đi của nhân dân. - Thời điểm kiểm tra, Công ty không hoạt động, không có chất thải xả ra môi trường. Tuy nhiên công ty không bố trí rãnh thu nước mưa chảy tràn (là nguyên nhân nước lẫn xi măng tràn ra đường ĐT262); các ao lũng đã đầy bùn không còn khả năng lắng nước thải...Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số 3027/STNMT-BVMT ngày 10/8/2023 yêu cầu Công ty các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện ngay các biện pháp ngăn chặn ô nhiễm phát tán ra môi trường như xây dựng mương rãnh thu gom nước mưa chảy tràn bề mặt, nước vệ sinh mặt bằng công nghiệp; nạo vét hố lắng; thu gom cặn beton trên bề mặt sân công nghiệp, lưu chứa chất thải nạo vét tái sử dụng đảm bảo vệ sinh môi trường; rửa xe trước khi tham gia giao thông; tưới nước giảm bụi đường nội bộ và tuyến đường gần Công ty; cải tạo kho lưu giữ chất thải nguy hại... - Tạm dừng các hoạt động sản xuất để hoàn thiện các hồ sơ thủ tục đất đai và đầu tư trên cơ sở đó thực hiện hồ sơ cấp giấy phép môi trường; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên xem xét điều chỉnh quy hoạch, trên cơ sở đó di chuyển tuyến đường dân sinh nối từ đường ĐT262 với hồ Đầu Phần, hoàn trả đường đi cho nhân dân. <p>Hiện nay Công ty vẫn đang dừng động. Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tiếp tục phối hợp với các cơ quan đơn vị đôn đốc, hướng</p>	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
		<p>dẫn Công ty thực hiện việc cấp giấy phép môi trường theo quy định khi hoạt động trở lại.</p>	
12	<p>Cử tri xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công phản ánh: Theo quy định tại Luật số 62/2020/QH14 của Quốc hội về sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng (sửa đổi), bổ sung Điều 94 “<i>khi hết thời hạn tồn tại của công trình ghi trong giấy phép xây dựng có thời hạn và cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyết định thu hồi đất, chủ đầu tư cam kết tự phá dỡ công trình, nếu không tự phá dỡ thì bị cưỡng chế và chịu mọi chi phí cho việc phá dỡ</i>”. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định cụ thể về nội dung này, do vậy tiến độ của công tác bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án gặp nhiều khó khăn. Đề nghị Chính phủ nghiên cứu, sớm ban hành văn bản hướng dẫn.</p>	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng xong dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 22/8/2014 (<i>có nội dung hỗ trợ đối với công trình ghi trong giấy phép xây dựng có thời hạn</i>), đã lấy ý kiến của các Sở, ngành, cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổng hợp các ý kiến tham gia và đã có Văn bản số 3999/STNMT-QLĐĐ ngày 17/10/2023 gửi Sở Tư pháp thẩm định.</p> <p>Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định.</p>	
13	<p>Cử tri xã Đồng Liên, thành phố Thái Nguyên phản ánh: Cầu treo Đồng Liên là tuyến giao</p>	<p>Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến kiến nghị của cử tri. Hiện nay, Thanh tra tỉnh tiến hành thanh tra theo Quyết định số 57/QĐ-TTR ngày 04/4/2023 về việc Thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật</p>	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
	<p>thông với lưu lượng người và phương tiện tham gia rất lớn; đã dừng hoạt động từ ngày 23/8/2022 vì chưa đảm bảo điều kiện theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Hiện nay, UBND tỉnh và UBND thành phố Thái Nguyên đã có văn bản về vấn đề này nhưng cử tri và Nhân dân xã Đồng Liên tiếp tục đề nghị tỉnh khảo sát, đánh giá kỹ để tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc đi lại.</p>	<p>trong quá trình thực hiện Dự án Cầu treo Đồng Liên, thành phố Thái Nguyên.</p> <p>Sau khi có kết luận thanh tra, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nội dung kiến nghị theo kết luận thanh tra.</p>	
14	<p>Cử tri xã Tân Thành, huyện Phú Bình đề nghị: Nghiên cứu, xem xét giao cho huyện Phú Bình được quản lý diện tích đất lâm nghiệp đã thu hồi của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên, để huyện giao cho các hộ dân đang sử dụng từ trước năm 1990 đến nay.</p>	<p>- Về nội dung thu hồi đất lâm nghiệp của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên trên địa bàn huyện Phú Bình, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành quyết định thu hồi đất đối với 1.411,2 ha và giao cho địa phương quản lý, cụ thể:</p> <p>+ Đối với 04 ha tại xã Tân Thành, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thu hồi tại Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án sử dụng đất tại Quyết định số 2869/QĐ-UBND ngày 17/9/2020.</p> <p>+ Đối với diện tích 1.407,2 ha (tại 03 xã: Tân Thành, Tân Hòa, Tân Kim), Ủy ban nhân dân tỉnh đã thu hồi tại Quyết định số 2654/QĐ-UBND ngày 08/01/2020, trong đó: xã Tân Thành có diện tích là 1.102,06 ha. Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã</p>	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
		<p>chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình lập phương án sử dụng đất đối với diện tích này theo quy định.</p> <p>Hiện nay, Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình đang thực hiện lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Phú Bình thời kỳ 2021-2030 để phù hợp với quy hoạch tỉnh và hiện tại đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 làm cơ sở để giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và quản lý đất đai trên địa bàn.</p> <p>- Trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình sẽ chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũng như các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện rà soát, đối chiếu quy hoạch sử dụng đất, lập phương án sử dụng đất lâm nghiệp theo quy định.</p>	
15	<p>Cử tri xã Tân Thành, huyện Phú Bình: Đề nghị tỉnh chỉ đạo việc thực hiện cắm mốc địa giới hồ Kim Đĩnh thuộc xã Tân Kim, hồ Trại Gạo thuộc xã Tân Hòa, phân định rõ ranh giới lòng hồ và đất ruộng của các hộ dân, để người dân yên tâm sản xuất, đồng thời tạo thuận lợi cho công tác quản lý đất đai của địa phương.</p>	<p>- Hồ Trại Gạo, xã Tân Hòa: Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Phương án cắm mốc hồ Trại Gạo, xã Tân Hòa tại Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 11/10/2023. Công ty đã trình thẩm định hồ sơ Báo cáo Kinh tế kỹ thuật công trình Cắm mốc chỉ giới hồ Trại Gạo, xã Tân Hòa đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 628/TTr-CTKTTL ngày 20/10/2023.</p> <p>Sau khi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật công trình cắm mốc hồ Trại Gạo, xã Tân Hòa. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác thủy lợi Thái Nguyên (Công ty) sẽ tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và thực hiện lựa chọn nhà thầu thi công để triển khai cắm mốc ra thực địa.</p> <p>- Hồ Kim Đĩnh, xã Tân Kim: Công ty đã hoàn thiện hồ sơ Phương</p>	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
		<p>án cấm mốc chỉ giới và trình thẩm định tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên tại tờ trình số 604/TTr-CTKTTL ngày 06/10/2023, hiện nay Chi cục Thủy lợi đang thẩm định.</p> <p>Tuy nhiên, việc thẩm định hồ sơ Phương án cấm mốc hồ Kim Đĩnh, xã Tân Kim gặp nhiều khó khăn, vướng mắc cụ thể như sau:</p> <p>+ Hồ Kim Đĩnh, xã Tân Kim thuộc địa giới hành chính của xã Tân Kim và xã Tân Thành. Hiện nay, tại khu vực lòng hồ Kim Đĩnh, phía dưới cao trình đỉnh đập (cao trình cấm mốc theo quy định) có trụ sở của cơ quan, trường học, nhà ở, đất và ruộng của nhân dân xã Tân Kim (283.396,2m²) và xã Tân Thành (628.968,4m²). Do đó, việc cấm mốc chỉ giới gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc, Công ty đã báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về các khó khăn, vướng mắc nêu trên và xin ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn tại Báo cáo số 425/BC-CTKTTL ngày 03/8/2023.</p> <p>Công ty dự kiến trong năm 2023 sẽ tiếp tục thực hiện các bước để hoàn thành cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình hồ Trại Gạo, xã Tân Hòa. Đối với hồ Kim Đĩnh, xã Tân Kim, sau khi các cơ quan chuyên môn chỉ đạo, hướng dẫn Công ty sẽ triển khai thực hiện cấm mốc vào năm 2024.</p>	
16	<p>Một số ý kiến chung của cử tri các xã, phường trên địa bàn thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh: Xem xét, đẩy nhanh tiến độ thực hiện một số dự án, cụ thể</p>	<p>Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 3374/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2023 của Thanh tra tỉnh Thái Nguyên. Hiện nay, Thanh tra tỉnh đang thực hiện thanh tra theo Quyết định số 50/QĐ-TTR ngày 13/3/2023, trong đó thanh tra dự án: Bến xe khách phía Nam thành phố Thái Nguyên. Sau khi có kết luận</p>	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
	như: Dự án bến xe khách phía Nam thành phố.	thanh tra, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các kiến nghị theo kết luận thanh tra.	
17	Cử tri phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên đề nghị tỉnh quan tâm: Nâng cấp cống Cầu Hội (thuộc tuyến đường ĐT261), hiện nay cống quá nhỏ không thoát nước kịp khi trời mưa, gây tình trạng ngập úng ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của Nhân dân.	Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường Hồng Tiến chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, giải tỏa hành lang bị các hộ dân lấn chiếm. Hiện nay, Ủy ban nhân dân phường Hồng Tiến đang tiến hành các bước theo quy định.	
18	Cử tri phường Hồng Tiến đề nghị tỉnh quan tâm: Đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư Hồng Tiến II để bố trí tái định cư, ổn định đời sống cho Nhân dân; quan tâm xây dựng khu xử lý nước thải theo đúng thiết kế.	Trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh tăng cường phối hợp các ngành đẩy nhanh tiến độ điều chỉnh tổng mức đầu tư, điều chỉnh thời gian thực hiện và đề nghị các ngành chức năng bố trí vốn để sớm đưa dự án vào hoạt động.	
19	Cử tri xã An Khánh, huyện Đại Từ đề nghị tỉnh: Giải quyết dứt điểm tình trạng ngập úng tại xóm Thống Nhất và đường giao thông liên xã An Khánh - Phúc Hà (đoạn xóm Trạng Đót), do Mỏ than Khánh Hòa mở rộng bãi đổ	Đến nay, Công ty than Khánh Hòa chưa thực hiện việc nắn suối Nam Tiên chảy trở lại theo phương án được phê duyệt. Công ty đang tiếp tục phối hợp với chính quyền địa phương để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng để tổ chức triển khai dự án. Trong khi chưa thực hiện được phương án nắn suối, Công ty Công ty than Khánh Hòa đã thường xuyên kiểm tra, tổ chức nạo vét khơi thông dòng chảy thoát nước mặt hệ thống các suối xung quanh mỏ,	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
	thải, làm thay đổi dòng chảy tự nhiên của con suối trên địa bàn	đảm bảo khả năng tiêu thoát nước; phối hợp với chính quyền địa phương, nhân dân tổ chức kiểm đếm, đánh giá mức độ ảnh hưởng và có phương án hỗ trợ hoa màu cho nhân dân trong trường hợp xảy ra ngập úng hoa màu của các hộ dân tiếp giáp mỏ.	
20	Cử tri xã An Khánh, huyện Đại Từ phản ánh: Trại giống lúa An Khánh (thuộc quản lý của Trung tâm giống cây trồng tỉnh Thái Nguyên), gần 10 năm nay sử dụng đất không đúng mục đích, không sản xuất và cung ứng giống mà cho người dân thuê đất để canh tác. Đề nghị tỉnh kiểm tra, xác minh, nếu Trại giống lúa An Khánh không có nhu cầu sử dụng đất thì bàn giao lại đất cho nhân dân sản xuất.	<p>Ngày 27/6/2023 Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Nguyên có Văn bản số 22/BC-GCT báo cáo tình hình hoạt động của Trại giống lúa An Khánh, theo đó đã đề nghị: Cho Công ty được giãn, hoãn việc xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, khảo sát, thiết kế, xây dựng trụ sở, nhà xưởng sản xuất của Trại giống tại xã An Khánh, huyện Đại Từ đến Quý III năm 2024.</p> <p>Ngày 03/7/2023 đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đại Từ, Ủy ban nhân dân xã An Khánh đã làm việc với Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Nguyên. Theo đó đã ghi nhận các khó khăn hiện nay của Công ty và đề nghị Công ty xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, khảo sát, thiết kế xây dựng trụ sở, nhà xưởng sản xuất và sử dụng đất đúng mục đích theo đúng Quyết định cho thuê đất của Ủy ban nhân dân tỉnh và hợp đồng thuê đất đã ký.</p>	
21	Cử tri tổ dân phố 6, 7, 28, 29, 30, 31 phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh giải quyết dứt điểm tình trạng ô nhiễm tiếng ồn, khói bụi do nhà máy Cốc hóa thuộc Công ty Cổ phần Gang thép gây ra.	Nhà máy Cốc hóa đã đầu tư và vận hành hệ thống tháp ngưng tụ xử lý hơi khí phát sinh từ công đoạn đập cốc; thu khí phát sinh từ lò luyện cốc cung cấp làm nhiên liệu phục vụ sản xuất nội bộ; cải tạo, nâng cao công suất quạt hút của hệ thống xử lý khí công đoạn đập cốc. Hiện nay, Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên đã phê duyệt Phương án lắp đặt hệ thống xử lý khí thải naphthan lò luyện cốc với tổng giá trị khoảng trên 1 tỷ đồng (Phương án số 275PA/CH ngày 04/10/2023). Theo kế hoạch, Nhà máy Cốc hóa sẽ hoàn thành lắp đặt	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
		hệ thống xử lý khí thải nạp than lò luyện cốc trong Quý IV/2023, sau khi hoàn thiện sẽ giảm thiểu tiếng ồn, khói bụi của nhà máy.	
22	<p>Cử tri xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ đề nghị tỉnh xem xét việc kiểm đếm và bồi thường cho các hộ dân bị thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu du lịch tâm linh Hồ Núi Cốc (khởi công từ năm 2016). Vì hiện nay, có những hộ dân đã kiểm đếm và được bồi thường, có những hộ đã kiểm đếm nhưng chưa được bồi thường.</p>	<p>Năm 2023, 02 Tiểu dự án: Tiểu dự án bồi thường giải phóng mặt bằng công trình đường trục nối ĐT.261 đến khu vực đền Gàn, Hồ Núi Cốc và Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thành phần khu du lịch Hồ Núi Cốc chưa được bố trí vốn và chưa được gia hạn thời gian thực hiện.</p> <p>Để giải quyết dứt điểm kiến nghị của Cử tri, cần gia hạn thời gian thực hiện và tiếp tục bố trí vốn cho các Tiểu dự án để thực hiện các công việc còn tồn tại.</p> <p>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh đã có Văn bản số 426/BQLDAGT-KH&QLĐTXD ngày 30/5/2023, Báo cáo số 527/BCGSĐGĐT-BQLDAGT ngày 05/7/2023 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phương án chỉ đạo giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Tiểu dự án.</p> <p>Sau khi 02 Tiểu dự án được kéo dài thời gian thực hiện và tiếp tục bố trí vốn, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ sẽ triển khai, thực hiện các công việc tiếp theo và chi trả cho các hộ dân theo quy định.</p>	
23	<p>Cử tri phường Bắc Sơn, xã Minh Đức, xã Phúc Tân, thành phố Phổ Yên:</p> <p>Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh có chủ trương giải quyết các vấn đề tồn đọng do làm nhà trái</p>	<p>Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với đơn vị tư vấn lập phương án sử dụng đất; hiện nay, đơn vị tư vấn đã lập dự toán kinh phí sử dụng đất đối với diện tích đất nông lâm trường trả ra. Trên cơ sở quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên sẽ bố trí kinh phí hỗ trợ lập phương án theo quy định của pháp luật.</p>	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
	<p>phép trong diện tích trước đây của Xí nghiệp Chè Bắc Sơn quản lý, sớm bố trí kinh phí đo vẽ bản đồ để bàn giao đất về cho địa phương quản lý, xem xét giải quyết việc Nhân dân đã được bàn giao đất của Nông trường Quốc doanh Bắc Sơn nhưng chưa được cấp quyền sử dụng đất.</p>		
24	<p>Cử tri thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh đơn đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Vinaconex 3 (Dự án đường quy hoạch và cơ sở hạ tầng Khu dân cư số 5 do Công ty Cổ phần xây dựng số 3 - Vinaconex 3 làm chủ đầu tư).</p>	<p>* Về tiến độ tình hình đầu tư xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về GPMB, giao đất: Đã GPMB 86.086,8m²; đã được giao đất 74.648m² (Trong đó đã cấp GCN: 27.948 m²). - Về thi công xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành hạ tầng trên diện tích đất đã được giao với chi phí xây dựng 250 tỷ đồng. <p>Tồn tại: Chưa được giao 11,4 ha (do chưa thực hiện xong công tác GPMB); Dự án hết tiến độ thực hiện.</p> <p>* Về tiến độ thực hiện quyết toán:</p> <p>Ngày 25/8/2023, Công ty Cổ phần tập đoàn Nam Mê Kông đã hoàn thiện hồ sơ quyết toán trình Sở Tài chính (Cơ quan thường trực Đoàn kiểm tra đơn đốc việc quyết toán các dự án Khu dân cư, khu đô thị) thẩm định theo quy định.</p>	
25	<p>Cử tri phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh xem xét, có phương án giải</p>	<p>- Ngày 06/6/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp các Sở, ngành và địa phương có liên quan tổ chức cuộc họp liên ngành xem xét tiến độ dự án Tổ hợp thương mại dịch vụ, văn phòng cho thuê, khách sạn</p>	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
	<p>quyết dứt điểm Dự án của Tập đoàn APEC đã được phê duyệt chủ trương đầu tư từ năm 2011 nhưng đến nay chưa triển khai thực hiện.</p>	<p>cao cấp phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương. Kết luận tại hội nghị đã thống nhất với nội dung: "<i>Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chấm dứt một phần hoạt động của dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật Đầu tư 2020 của giai đoạn 2, với diện tích đất thực hiện dự án là 2,97ha (diện tích đất Công ty chưa thực hiện GPMB)</i>".</p> <p>- Ngày 11/9/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư một lần nữa yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương báo cáo tình hình triển khai thực hiện dự án đến thời điểm hiện tại; thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án, giảm quy mô về diện tích sử dụng đất từ 52.711m² xuống còn 23.006,5m² (<i>diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định số 2671/QĐ-UBND ngày 04/11/2010</i>). Thời gian trước ngày 15/9/2023 để có cơ sở hoàn thiện các thủ tục đất đai, xây dựng, môi trường và thực hiện quyết toán dự án.</p> <p>- Ngày 12/9/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Văn bản số 111A/2023/API-TN ngày 12/9/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương về việc phúc đáp công văn số 3310/SKHĐT-ĐKKD ngày 11/9/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư (Công ty sẽ thực hiện ngay việc lập hồ sơ điều chỉnh dự án giảm quy mô diện tích sử dụng đất từ 52.711m² xuống còn 23.006,5m²; đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn Công ty về thủ tục hồ sơ. Ngoài ra, Công ty đề nghị trước ngày 01/11/2023 sẽ gửi hồ sơ điều chỉnh dự án).</p> <p>- Ngày 03/10/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Văn bản số 3677/SKHĐT-ĐKKD về việc hướng dẫn Công ty cổ phần đầu tư Châu</p>	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
		<p>Á Thái Bình Dương lập hồ sơ điều chỉnh Dự án. Thời gian: Trước ngày 15/10/2023.</p> <p>- Đến nay (20/10/2023), Công ty Cổ phần đầu tư Châu Á Thái Bình Dương chưa nộp hồ sơ theo yêu cầu.</p> <p>Đến hết ngày 30/10/2023 (theo đề nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương tại Văn bản số 111A/2023/API-TN ngày 12/9/2023) nếu Công ty Cổ phần đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương vẫn không nộp hồ sơ điều chỉnh dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ tiến hành Thông báo vi phạm hành chính trong thực hiện dự án Tổ hợp thương mại dịch vụ, văn phòng cho thuê, khách sạn cao cấp phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên và thực hiện quy trình xử lý theo quy định.</p>	
26	<p>Cử tri phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh xem xét việc quy hoạch xây dựng Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên từ nhiều năm nay nhưng chưa được triển khai thực hiện.</p>	<p>Ngày 15/9/2023 Trường Đại học Y Dược có Công văn số 1078/ĐHYD-QTPV về việc Báo cáo tiến độ công tác quy hoạch, giải phóng mặt bằng cơ sở 1 Trường Đại học Y Dược. Trong đó nhà trường báo cáo kết quả đã thực hiện đến nay, cụ thể như sau:</p> <p>- Đã lập dự toán công tác đo đạc chi tiết, đang thực hiện thủ tục lựa chọn đơn vị tư vấn, đo đạc theo quy định.</p> <p>- Đã và đang tiến hành công tác thu thập thông tin, hồ sơ, tài liệu hiện có liên quan trực tiếp đến công tác giải phóng mặt bằng cơ sở 1.</p> <p>- Nhà trường đã thu thập được thông tin và có danh sách các hộ dân sống quanh trường và danh sách 46 hộ dân mượn đất của Nhà trường. Hiện tại cơ bản các hộ dân chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.</p>	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none">- Trong Quý II và Quý III Nhà trường đang xử lý đòi lại 4 hộ đang sử dụng đất của Nhà trường.- Thực hiện làm việc với một số hộ dân lấn chiếm đất đai của nhà trường- Giải quyết xong đơn kiện về đất đai của nhà bà Triệu Thị Hương (có tên trong danh sách những hộ dân mượn đất của Nhà trường).- Thuê đơn vị tư vấn pháp lý và làm việc với một số hộ dân trong khu vực quản lý của nhà trường, tiến hành thủ tục yêu cầu trả lại phần nhà, đất đang sử dụng thuộc quản lý của Nhà trường. <p>Nhà trường vẫn đang tích cực triển khai các hạng mục theo quy hoạch đã được phê duyệt, trong quá trình thực hiện nhà trường sẽ trực tiếp làm việc với các hộ dân liên quan để giải quyết, nếu có khó khăn vướng mắc sẽ báo cáo các cơ quan ban ngành.</p>	
27	<p>Cử tri xã Hà Thượng, huyện Đại Từ phản ánh hiện tại nguồn nước sinh hoạt đang bị ô nhiễm, nhân dân muốn có nước sinh hoạt phải đi mua nước về dùng. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng, xem xét di chuyển các hộ dân ra khỏi vùng ảnh hưởng. Trong thời gian chưa di chuyển đề nghị tỉnh có biện pháp hỗ trợ.</p>	<p>1. Đối với các hộ dân thuộc xóm 2, 3, 4 xã Hà Thượng trong vùng bị ảnh hưởng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tổng số hộ bị ảnh hưởng 282 hộ, diện tích 12,72 ha. Kết quả: đến nay đã phê duyệt phương án, bồi thường, hỗ trợ 273/282 hộ, giá trị bồi thường 504,22 tỷ đồng.- Đã thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho 260/273 hộ, tổng số tiền chi trả là 484,51 tỷ đồng, còn 13 hộ đã thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giá trị 19,71 tỷ đồng Công ty Trách nhiệm hữu hạn khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo chưa bố trí kinh phí để chi trả, Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ đã đôn đốc Công ty bố trí kinh phí để thực hiện chi trả tiền bồi thường hỗ trợ theo quy định (Công văn số 1275/UBND-PTQĐ ngày 21/6/2023, Công văn số 2012/UBND-PTQĐ ngày 29/8/2023).	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
		<p>- 10 hộ chưa thu hồi đất và phê duyệt phương án, trong đó 3 hộ đang chỉnh lý bản đồ thu hồi đất làm cơ sở thu hồi đất, 03 hộ Ủy ban nhân dân xã Hà Thượng đang kiểm tra, xác nhận tính hợp pháp của tài sản, 03 hộ chưa phối hợp hoàn thiện hồ sơ pháp lý về bồi thường.</p> <p>- Kế hoạch thời gian tới: Tiếp tục đôn đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo bố trí kinh phí để chi trả cho 13 hộ đã phê duyệt, giá trị 19,71 tỷ đồng, thời gian chi trả trong Quý IV/2023; hoàn thiện hồ sơ thu hồi đất và phê duyệt phương án các hộ còn lại theo quy định thời gian trong Quý IV/2023.</p> <p>2. Đối với các hộ khu vực xóm 6 (xóm Suối Cát), xã Hà Thượng</p> <p>Tổng số hộ bị ảnh hưởng 45 hộ. Kết quả: Đã phê duyệt phương án, bồi thường, hỗ trợ cho 28/45 hộ, giá trị bồi thường 73,66 tỷ đồng và thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho 15/28 hộ, tổng số tiền chi trả là 35,92 tỷ đồng.</p> <p>Đến nay, còn 13 hộ đã phê duyệt phương án giá trị 37,74 tỷ đồng chủ dự án chưa bố trí kinh phí, Ủy ban nhân dân huyện đã đôn đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo tại Công văn số 2434/UBND-PTQĐ ngày 16/12/2022; Công văn 608/UBND-PTQĐ ngày 05/4/2023 và Công văn số 976/UBND-PTQĐ ngày 18/5/2023, Công văn số 1275/UBND-PTQĐ ngày 21/6/2023, Công văn số 2012/UBND-PTQĐ ngày 29/8/2023; 17 hộ chưa phê duyệt phương án (05 hộ đã kết thúc niêm yết phương án bồi thường, các cơ quan liên quan đang hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt; 12 hộ dân Ủy ban nhân dân xã Hà Thượng và các cơ quan chuyên môn của huyện đang phối hợp và hướng dẫn các hộ dân hoàn thiện hồ sơ pháp lý).</p>	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
		<p>* Kế hoạch giải quyết: Đối với 13 hộ chưa chi tiền: Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ tiếp tục đôn đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo bố trí kinh phí chi trả tiền cho các hộ dân; Đối với 17 hộ: Ủy ban nhân dân huyện giao Trung tâm Phát triển quỹ đất trình thu hồi đất và phê duyệt phương án 05 hộ; đối với các hộ còn lại, Ủy ban nhân dân huyện đã giao các cơ quan chuyên môn hoàn thiện hồ sơ để phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (<i>cho các hộ đồng thuận</i>) trong Quý IV/2023.</p>	
28	<p>Cử tri xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên đề nghị kiểm tra, rà soát tất cả các dự án trên địa bàn xã Quyết Thắng, triển khai thực hiện sớm không để kéo dài ảnh hưởng lớn đến đời sống và tư tưởng của Nhân dân: Dự án Khu dân cư số 1 mới được thực hiện do Công ty Trách nhiệm hữu hạn chế biến lâm sản thương mại Từ Sơn làm chủ đầu tư sử dụng đất chưa đúng mục đích như giấy phép đã đăng ký, còn 7 ha đất chưa thực hiện.</p>	<p>- Ngày 29/6/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Tờ trình số 2262 /TTr- SKHĐT (gửi kèm Báo cáo thẩm định số 2261/BC- SKHĐT) về việc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư số 1, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên.</p> <p>- Ngày 18/7/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản số 3519/UBND-TH chỉ đạo:</p> <p>1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên chủ trì, phối hợp với Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến lâm sản thương mại Từ Sơn thống nhất tiến độ hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng toàn bộ dự án; thống nhất phương án giải quyết vướng mắc liên quan đến việc trùng lấn ranh giới thực hiện dự án với hành lang an toàn đường Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) theo quy định.</p> <p>2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến lâm sản thương mại Từ Sơn xây dựng Báo cáo tiến độ thực hiện dự án, đảm</p>	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
		<p>bảo hoàn thành, quyết toán, bàn giao dự án theo quy định.</p> <p>3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên và Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến lâm sản thương mại Từ Sơn xem xét tiến độ đề nghị điều chỉnh của Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến lâm sản thương mại Từ Sơn thống nhất.</p> <p>- Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 3519/UBND-TH ngày 18/7/2023, ngày 31/7/2023 Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên đã có Văn bản số 3170/UBND-TCKH cho ý kiến về điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng Khu dân cư số 1, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên. Tuy nhiên, theo nội dung tham gia ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên có phát sinh thêm nội dung vướng mắc hành lang an toàn đường Quốc lộ 3 Hà Nội - Thái Nguyên (tuyến đường giao thông có lộ giới 19,5m (chiều dài 137,52m) thuộc dự án là công trình đường bộ nằm trong phạm vi hành lang an toàn giao thông đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên (CT07)).</p> <p>- Đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư: Sau khi hướng dẫn nhà đầu tư làm việc với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên để cập nhật thông tin và chuẩn bị hồ sơ giải trình. Ngày 08/8/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp các sở ngành có liên quan gồm: Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên và Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến lâm sản thương mại Từ Sơn tổ chức cuộc họp để xem xét về những vướng</p>	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
		<p>mắc, tồn tại của dự án về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng toàn bộ dự án; phương án giải quyết vướng mắc liên quan đến việc trùng lấn ranh giới thực hiện dự án với hành lang an toàn đường Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.</p> <p>- Trên cơ sở kết quả Biên bản cuộc họp liên ngành ngày 08/8/2023 (sau khi gửi văn bản và hồ sơ về Cục Đường bộ Việt Nam, Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến lâm sản thương mại Từ Sơn có Văn bản cam kết, lập Kế hoạch tiến độ triển khai thực hiện dự án phù hợp, đảm bảo tính khả thi) nộp lại, ngày 29/8/2023 Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản số 3187/SKHĐT-ĐKKD báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó có nội dung đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận về chủ trương điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án (Quý IV/2024, hoàn thành dự án đưa vào sử dụng).</p> <p>Ngày 31/10/2023, UBND tỉnh nhận được Tờ trình số 3806/TTr-SKHĐT của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đang xem xét hồ sơ, báo cáo đề ban hành Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến lâm sản thương mại Từ Sơn.</p>	
29	<p>Cử tri xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai và các xã có đất của Lâm trường Võ Nhai (cũ) đề nghị tỉnh giải quyết dứt điểm thủ tục cấp đất Lâm trường để Nhân dân được quản lý, sử dụng theo quy định.</p>	<p>Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai đã hoàn thiện hồ sơ, hiện nay Sở Tài nguyên và Môi trường đang thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Sau khi có quyết định phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện sẽ giao đất theo phương án sử dụng đất được duyệt.</p>	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
30	<p>Cử tri xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên phản ánh: Hiện nay, tại xóm Soi Vàng có 02 trang trại chăn nuôi lợn quy mô lớn, xây dựng gần khu dân cư, đang gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe của Nhân dân. Đề nghị tỉnh quan tâm, chỉ đạo các ngành chức năng có phương án giải quyết.</p>	<p>1. Trang trại chăn nuôi lợn của bà Trần Thị Mai</p> <p>Đến nay, trang trại chưa hoàn thiện việc lập hồ sơ cấp phép môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Văn bản số 2689/STNMT-BVMT ngày 18/7/2023 yêu cầu bà Trần Thị Mai khẩn trương hoàn thiện hồ sơ cấp phép môi trường và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định</p> <p>Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tiếp tục theo dõi, đôn đốc Chủ trang trại thực hiện các yêu cầu trên.</p> <p>2. Trang trại chăn nuôi lợn của ông Đàm Văn Mười:</p> <p>Hiện nay, trang trại chưa hoàn thiện được thủ tục pháp lý về đất đai, do đó chưa có cơ sở để lập hồ sơ môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, cấp giấy phép môi trường.</p> <p>Trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên hướng dẫn trang trại hoàn thiện thủ tục pháp lý về đất đai theo quy định.</p> <p>Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục hướng dẫn trang trại trong công tác thu gom, quản lý chất thải trong thời gian chưa hoàn thiện được hồ sơ môi trường, hướng dẫn trang trại lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường sau khi hoàn thành thủ tục về đất đai.</p>	
31	<p>Cử tri phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh xem xét việc quy hoạch xây dựng một số dự án trên địa bàn phường đã được cấp phép</p>	<p>Ngày 19/9/2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 7961/BTNMT-ĐĐ hướng dẫn thực hiện nội dung đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại Văn bản số 6235/UBND-NC ngày 12/12/2022. Trên cơ sở ý kiến hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Văn bản số 4889/UBND-NC</p>	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
	từ nhiều năm nay nhưng chưa triển khai thực hiện.	<p>ngày 28/9/2023 giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các ngành tham mưu giải quyết.</p> <p>Sau khi nghiên cứu hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 7961/BTNMT-ĐĐ ngày 19/9/2023 cho thấy còn một số nội dung cần phải tiếp tục xác định, làm rõ. Do đó, ngày 03/10/2023 và ngày 17/10/2023 Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức hội nghị với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên để bàn giải pháp thực hiện.</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục làm việc với Công ty cổ phần Trung Tín để thống nhất giải pháp thực hiện trước khi tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh.</p>	
32	Cử tri xóm Nam Tiên, xã Phúc Hà, thành phố Thái Nguyên phản ánh hoạt động khai thác than và sản xuất than của Công ty than Khánh Hòa gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt của Nhân dân. Cử tri đề nghị có phương án di dời đối với các hộ dân sống ở gần bãi đổ thải của Công ty.	<p>Hiện tại, các hộ dân thuộc xóm Nam Tiên chưa được di dời đến nơi khác. Công ty Khánh Hòa hiện đang tiếp tục việc lập phương án điều chỉnh toàn bộ dự án quy hoạch mỏ than Khánh Hòa, trong đó có nội dung điều chỉnh quy hoạch bãi thải, moong khai thác, khai thác hầm lò, nắn suối... Sau khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận, Công ty than Khánh Hòa sẽ triển khai tổ chức thực hiện công tác thống kê, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư cho các hộ dân.</p>	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
33	<p>Cử tri xóm Ngò xã An Khánh, huyện Đại Từ phản ánh Chùa làng Ngò hiện nay nằm giáp với khu vực bãi thải phía Tây của Công ty than Khánh Hòa, khu vực này không đảm bảo về môi trường và có nguy cơ sạt lở gây mất an toàn, làm ảnh hưởng đến hoạt động sinh hoạt tín ngưỡng của Nhân dân. Đề nghị sớm di dời Chùa làng Ngò đến vị trí mới.</p>	<p>Qua kiểm tra Chùa làng Ngò được xây dựng trên thửa đất số 382, tờ bản đồ số 35, diện tích 2.968 m² bị ảnh hưởng bởi dự án Khai thác lộ thiên mỏ than Khánh Hòa, hạng mục: Giải phóng mặt bằng mở rộng bãi thải tây phục vụ đổ thải tại xóm Ngò, xã An Khánh, huyện Đại Từ.</p> <p>Ngày 04/8/2023, Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 4390/QĐ-UBND trong đó thu hồi thửa đất số 382, tờ bản đồ 35, diện tích 2.968,0m² loại đất OTN và phê duyệt phương án tại Quyết định số 4391/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án khai thác lộ thiên mỏ than Khánh Hòa - Hạng mục: GPMB mở rộng bãi thải Tây phục vụ đổ thải xã An Khánh, huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Ủy ban nhân dân là 11.748.540.247 đồng;</p> <p>Ngày 18/8/2023, Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ giao trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với Công ty than Khánh Hòa, Ủy ban nhân dân xã An Khánh và Ban trị sự giáo hội phật giáo Việt Nam tỉnh Thái Nguyên thực hiện công bố quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án đối với chùa Làng Ngò.</p> <p>Đến nay Ban trị sự Giáo hội phật giáo Việt Nam tỉnh Thái Nguyên đã hoàn toàn nhất trí với giá trị được bồi thường hỗ trợ, tuy nhiên do số kinh phí được bồi thường không đủ để GPMB và xây dựng chùa tại địa điểm mới, do đó Ban trị sự Giáo hội phật giáo Việt Nam tỉnh Thái Nguyên có Công văn số 275/BTS-VP ngày 15/7/2023 có đề nghị Công ty than khánh Hoà hỗ trợ thêm kinh phí 15 tỷ đồng ngoài số tiền được bồi thường hỗ trợ. Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ đã tổ chức buổi làm việc với Công ty than Khánh Hòa; Tổng Công ty công nghiệp</p>	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
		<p>mỏ Việt Bắc- TKV và các bên liên quan; tại buổi làm việc Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc- TKV đã nhất trí hỗ trợ kinh phí theo đề nghị của Ban trị sự Giáo hội phật giáo Việt Nam tỉnh Thái Nguyên, số tiền khoảng 15 tỷ đồng.</p> <p>Đến nay Ủy ban nhân dân xã An Khánh, Công ty than Khánh Hòa và các cơ quan chuyên môn của huyện đang lập quy hoạch tổng mặt bằng dự án để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB theo quy định.</p>	
34	<p>Một số ý kiến chung của cử tri các xã, phường trên địa bàn thành phố Thái Nguyên đề nghị tỉnh: Xem xét, đẩy nhanh tiến độ thực hiện một số dự án, cụ thể như: Dự án đường Bắc Sơn kéo dài.</p>	<p>Dự án đầu tư xây dựng đường Bắc Sơn kéo dài được thực hiện theo hình thức đối tác công tư PPP - Hợp đồng BT gồm 2 dự án như sau :</p> <p>* Dự án Đường Bắc Sơn kéo dài đoạn Km0+00 đến Km3+500:</p> <p>- Đã thi công xong cơ bản mặt đường bê tông xi măng, thi công hoàn thiện phần bó vỉa giải phân cách giữa và vỉa hè khu vực Công Tam Quan, Cầu vượt đường sắt và Cầu vượt đường cao tốc, điện chiếu sáng, lắp đặt bó vỉa, thi công lát vỉa hè khu vực Công Tam Quan (đoạn từ Km2+500 đến Km3+250).</p> <p>* Dự án Đường Bắc Sơn kéo dài đoạn Km3+500 đến Km9+500:</p> <p>- Đã thi công xong cơ bản mặt đường bê tông xi măng, Cầu Suối Đá. Hiện nay còn vương 50m mặt đường cuối tuyến tại nút giao Cao Trãng. Lắp đặt bó vỉa giải phân cách giữa đoạn Km3+500 đến Km 8+700.</p> <p>Tính đến thời điểm hiện tại Nhà đầu tư đã hoàn thành khối lượng khoảng 700 tỷ đồng. Hiện còn các hạng mục hoàn thiện của dự án như cấp điện chiếu sáng, cấp nước, cây xanh, bó vỉa, vỉa hè.</p>	

STT	Các ý kiến, kiến nghị	Kết quả kiểm tra, rà soát, giải quyết	Ghi chú
		<p>Đến nay, Dự án đang vướng mắc ở khâu thanh toán dự án BT. Ủy ban nhân dân tỉnh đã nhiều lần báo cáo đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép sử dụng quỹ đất đã giải phóng mặt bằng để thanh toán cho nhà đầu tư dự án theo hợp đồng BT tại các Văn bản số 2006/UBND-KT ngày 12/5/2021; Văn bản số 4424/UBND-KT ngày 12/9/2022 và Văn bản số số 846/UBND-KT ngày 06/3/2023 về việc Báo cáo việc sử dụng quỹ đất thanh toán cho nhà đầu tư đầu tư xây dựng công trình giao thông theo hình thức PPP – Hợp đồng BT. Thủ tướng Chính phủ đang giao các bộ, ngành trung ương hướng dẫn địa phương để thực hiện. Việc chưa thanh toán hoàn trả vốn đã gây khó khăn về vốn cho Nhà đầu tư nên dù Ủy ban nhân dân thành phố đã nhiều lần đôn đốc Nhà đầu tư hoàn thành khối lượng công việc còn lại nhưng Nhà đầu tư thiếu vốn nên dự án vẫn bị chậm tiến độ.</p> <p>Hiện tại dự án đã hết thời gian thực hiện. Nhà đầu tư đã có Văn bản số 339/CV-XT ngày 15/6/2023 trình Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép gia hạn, kéo dài thời gian thực hiện dự án đến hết năm 2024.</p> <p>Ngày 11/9/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 4565/UBND-CNNXD giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan nghiên cứu nội dung đề nghị của Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường tại Công văn số 339/CV-XT ngày 15/6/2023, khẩn trương thống nhất tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.</p>	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 98/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh
“Giám sát việc thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn
tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025”**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về Chương trình giám sát năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên;

Xét Tờ trình số 177/TTr-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh “Giám sát việc thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025”; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh “Giám sát việc thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025” (Có danh sách thành viên Đoàn giám sát kèm theo).

Điều 2. Nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát

1. Nội dung, phạm vi giám sát: Giám sát việc thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025.

2. Đối tượng giám sát: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao ông Đỗ Đức Công, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh làm Trưởng Đoàn giám sát; chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động của Đoàn giám sát.

2. Giao bà Mai Thị Thúy Nga, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh làm Phó Trưởng đoàn.

3. Giao ông Lê Văn Tâm, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh làm Phó Trưởng đoàn.

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Đoàn giám sát xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện.

5. Đoàn giám sát thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015, Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân; báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát tại Phiên họp tháng 11 năm 2024; trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2024.

6. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Đoàn giám sát, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười sáu thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐOÀN GIÁM SÁT

*(Kèm theo Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

I. THÀNH VIÊN ĐOÀN GIÁM SÁT

1. Ông Đỗ Đức Công, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng Đoàn giám sát;
2. Bà Mai Thị Thúy Nga, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Trưởng đoàn;
3. Ông Lê Văn Tâm, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Trưởng đoàn;
4. Ông Ân Văn Thanh, Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh, thành viên;
5. Bà Nguyễn Thị Thúy Nga, Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh, thành viên;
6. Ông Trần Văn Khương, Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, thành viên;
7. Bà Lê Thị Thu An, Phó Trưởng ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, thành viên;
8. Bà Phó Thị Thủy, Phó Trưởng ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, thành viên;
9. Bà Đoàn Bách Thảo, Phó Trưởng ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh, thành viên;
10. Ông Hoàng Trần Nam, Phó Trưởng ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh, thành viên;
11. Tổ Trưởng Tổ đại biểu HĐND tỉnh đơn vị các huyện, thành phố nơi Đoàn đến giám sát.

II. ĐẠI BIỂU MỜI THAM GIA ĐOÀN GIÁM SÁT

1. Đại diện Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
 2. Đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
 3. Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố nơi Đoàn đến giám sát.
-

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 99/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 170/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc quyết toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2022, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
I	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	19.107.082.667.410
II	Tổng thu ngân sách địa phương	36.434.348.897.619
1	Thu ngân sách tỉnh	20.252.788.750.851
	<i>Trong đó: Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương</i>	2.873.858.128.267
2	Thu ngân sách huyện	14.320.046.230.457
	<i>Trong đó: Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh</i>	5.331.605.337.203
3	Thu ngân sách xã	1.861.513.916.311
	<i>Trong đó: Thu bổ sung từ ngân sách huyện</i>	1.424.028.044.677
III	Tổng chi ngân sách địa phương	35.229.078.213.534
1	Chi ngân sách tỉnh	20.066.747.548.637
	<i>Trong đó: Chi bổ sung cho ngân sách huyện</i>	5.331.605.337.203

2	Chi ngân sách huyện	13.366.867.166.767
	<i>Trong đó: Chi bổ sung cho ngân sách xã</i>	1.424.028.044.677
3	Chi ngân sách xã	1.795.463.498.130
IV	Kết dư ngân sách địa phương	1.205.270.684.085
1	Kết dư ngân sách tỉnh	186.041.202.214
2	Kết dư ngân sách huyện	953.179.063.690
3	Kết dư ngân sách xã	66.050.418.181

Điều 2. Số kết dư ngân sách tỉnh năm 2022 được trích 50% bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh, 50% còn lại ghi thu ngân sách năm 2023 và giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh lập dự toán sử dụng để thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2023 đúng mục đích, đúng quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước về kết quả kiểm toán ngân sách địa phương tỉnh Thái Nguyên.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười sáu thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

Phụ lục I
QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022
TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Nghị quyết số 99 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Chỉ tiêu	Dự toán	Quyết toán	Trong đó		So sánh (%)
				Thu ngân sách Trung ương	Thu ngân sách địa phương	
A	B	I	2	3	4	5=2/I
A	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	18.000.000	19.107.083	3.610.213	15.496.870	106,2
I	Thu nội địa	15.660.000	15.900.992	511.570	15.389.422	101,5
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương quản lý	1.100.000	938.293		938.293	85,3
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương quản lý	50.000	53.359		53.359	106,7
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	4.140.000	4.493.232		4.493.232	108,5
4	Thu từ khu vực tư nhân và ngoài quốc doanh	1.573.000	1.694.496	5	1.694.492	107,7
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.250.000	1.385.292		1.385.292	110,8
6	Thuế bảo vệ môi trường	560.000	345.285	163.115	182.171	61,7
7	Lệ phí trước bạ	482.000	540.973		540.973	112,2
8	Thu phí và lệ phí	252.000	268.304	32.805	235.500	106,5
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		20		20	
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	17.200	26.364		26.364	153,3
11	Thu tiền thuê mặt đất mặt nước	899.000	942.795		942.795	104,9
12	Thu từ bán tài sản nhà nước		6.690	1.417	5.273	
13	Thu tiền sử dụng đất	4.660.000	4.434.617		4.434.617	95,2
14	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		47		47	
15	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	13.000	13.308		13.308	102,4
16	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	393.300	286.585	159.065	127.520	72,9
17	Thu khác của ngân sách	260.000	370.778	131.480	239.297	142,6
18	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	10.500	34.245	20.933	13.313	326,1
19	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế		66.308	2.750	63.558	

II	Thu hoạt động xuất, nhập khẩu	2.340.000	3.098.643	3.098.643		132,4
III	Các khoản huy động, đóng góp		107.448		107.448	
B	Vay của ngân sách địa phương	333.500	316.157		316.157	94,8
C	Thu chuyển giao ngân sách		9.742.663	13.608	9.729.054	
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		9.629.492		9.629.492	
1	Bổ sung cân đối		4.578.187		4.578.187	
2	Bổ sung có mục tiêu		5.051.304		5.051.304	
II	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		113.171	13.608	99.563	
D	Thu chuyển nguồn	-	10.576.856		10.576.856	
E	Thu kết dư ngân sách		315.411		315.411	
	Tổng cộng (A+B+C+D+E):		40.058.170	3.623.821	36.434.349	

Phụ lục II

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH THEO SẮC THUẾ NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 99 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán					Quyết toán					So sánh quyết toán/dự toán (%)				
		Tổng số	Khu vực DNNN	Khu vực ĐTNN	Khu vực TNNQD	Các khoản thu khác	Tổng số	Khu vực DNNN	Khu vực ĐTNN	Khu vực TNNQD	Các khoản thu khác	Tổng số	Khu vực DNNN	Khu vực ĐTNN	Khu vực TNNQD	Các khoản thu khác
A	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	18.000.000	1.150.000	4.140.000	1.573.000	11.137.000	19.107.083	1.057.960	4.493.232	1.694.496	11.861.394	106,2	92,0	108,5	107,7	106,5
I	Các khoản thu từ thuế	11.030.200	1.150.000	4.140.000	1.573.000	4.167.200	12.034.518	991.652	4.493.232	1.694.496	4.855.137	109,1	86,2	108,5	107,7	116,5
1	Thuế giá trị gia tăng	3.495.000	615.000	75.000	880.000	1.925.000	4.179.033	476.768	82.431	790.107	2.829.727	119,6	77,5	109,9	89,8	
a	Thuế GTGT hàng sản xuất trong nước	1.570.000	615.000	75.000	880.000		1.349.306	476.768	82.431	790.107		85,9	77,5	109,9	89,8	
b	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.925.000				1.925.000	2.829.727				2.829.727	147,0				147,0
2	Thuế tiêu thu đặc biệt	10.000			10.000		9.685			9.657	28	96,8			96,6	
3	Thuế xuất khẩu	201.000				201.000	58.518				58.518	29,1				29,1
4	Thuế nhập khẩu	207.000				207.000	207.123				207.123	100,1				100,1
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.668.000	270.000	4.065.000	333.000		4.978.568	195.822	4.410.669	372.077		106,7	72,5			
6	Thuế tài nguyên	615.000	265.000	-	350.000		841.850	319.062	132	522.656		136,9	120,4			

7	Thuế thu nhập người có thu nhập cao	1.250.000				1.250.000	1.385.292				1.385.292	110,8				110,8
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	17.200				17.200	26.364				26.364	153,3				153,3
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						20				20					
10	Thuế bảo vệ môi trường	567.000				567.000	348.065				348.065	61,4				61,4
II	Các khoản phí, lệ phí	734.000				734.000	809.277				809.277	110,3				110,3
1	Lệ phí trước bạ	482.000				482.000	540.973				540.973	112,2				112,2
2	Các khoản phí, lệ phí	252.000				252.000	268.304				268.304	106,5				106,5
III	Các khoản thu khác còn lại	6.235.800				6.235.800	6.155.840	66.308			6.089.532	98,7				97,7
1	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	899.000				899.000	942.795				942.795	104,9				104,9
2	Thu từ bán tài sản nhà nước						6.690				6.690					
3	Thu cấp quyền sử dụng đất	4.660.000				4.660.000	4.434.617				4.434.617	95,2				95,2
4	Thu tiền bán, thuê nhà thuộc sở hữu NN	-				-	47				47					
5	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi, công sản khác	10.500				10.500	34.245				34.245	326,1				326,1
6	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế						66.308	66.308								
7	Thu khác ngân sách	260.000				260.000	371.244				371.244	142,8				142,8
8	Thu từ nguồn xổ số kiến thiết	13.000				13.000	13.308				13.308	102,4				102,4
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	393.300				393.300	286.585				286.585	72,9				72,9

IV	Các khoản huy động, đóng góp						107.448				107.448					
B	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp	15.155.675	1.150.000	4.140.000	1.573.000	8.292.675	15.496.870	1.055.210	4.493.232	1.694.492	8.253.936	102,3	91,8	108,5	107,7	99,5

Phụ lục III
QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022 TỈNH THÁI NGUYÊN
(Kèm theo Nghị quyết số 99 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>
	Tổng chi ngân sách địa phương (A+B+C+D):	18.263.886	35.229.078	192,9
A	Chi cân đối ngân sách	18.237.686	28.333.873	155,4
I	Chi đầu tư phát triển	8.513.415	7.823.821	91,9
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	710.808	1.166.063	164,0
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.608.170	3.826.332	83,0
	<i>Trong đó: Trích Quỹ phát triển đất</i>	<i>400.000</i>	<i>274.130</i>	<i>68,5</i>
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	13.000	13.000	100,0
4	Chi từ nguồn vay	333.500	425.641	127,6
5	Chi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và giải phóng mặt bằng từ nguồn thu tiền thuê đất một lần	742.054	433.416	58,4
6	Chi Đầu tư khác	145.000	414.173	285,6
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>- Chi hỗ trợ các địa phương mua xi măng</i>	<i>105.000</i>	<i>99.152</i>	<i>94,4</i>
	<i>- Kinh phí ủy thác qua ngân hàng chính sách</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>	<i>100,0</i>
	<i>- Hỗ trợ tiền thuê hạ tầng cho các công ty thuộc Tập đoàn Samsung</i>	<i>30.000</i>	<i>30.000</i>	<i>100,0</i>
	<i>- Chi khác</i>		<i>275.020</i>	
7	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, hỗ trợ có mục tiêu khác	1.960.883	1.545.196	78,8
-	<i>Hỗ trợ khác</i>	<i>1.960.883</i>	<i>1.318.088</i>	<i>67,2</i>
-	<i>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>	<i>-</i>	<i>139.722</i>	

-	<i>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	-	87.386	
II	Chi thường xuyên	8.672.539	8.700.546	100,3
1	Chi quốc phòng, an ninh địa phương	242.121	465.963	192,5
2	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.663.324	3.561.073	97,2
3	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	32.186	31.317	97,3
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	742.424	708.419	95,4
5	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao	235.862	236.386	100,2
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	70.627	77.145	109,2
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	206.939	183.606	88,7
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.154.845	893.633	77,4
9	Chi quản lý hành chính	1.705.781	1.900.602	111,4
10	Chi bảo đảm xã hội	421.585	554.346	131,5
11	Chi khác ngân sách	97.776	88.057	90,1
III	Dự phòng ngân sách	382.562		
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100,0
V	Chi trả lãi, phí vay theo quy định	12.333	9.621	78,0
VI	Chi chuyển nguồn và tiền thực hiện cải cách tiền lương	655.837	11.798.885	1.799,1
B	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới		6.755.633	
1	Bổ sung cân đối		4.334.051	
2	Bổ sung có mục tiêu		2.421.582	
C	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		113.171	
D	Chi trả nợ gốc	26.200	26.401	

Phụ lục IV
QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 99 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>
A	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	18.000.000	19.107.083	106,2
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	15.660.000	15.900.992	101,5
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	2.340.000	3.098.643	132,4
3	Các khoản huy động, đóng góp		107.448	
B	Thu ngân sách địa phương	15.155.675	36.434.349	240,4
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	15.155.675	15.496.870	102,3
-	<i>Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng</i>	<i>15.155.675</i>	<i>15.389.422</i>	<i>101,5</i>
-	<i>Các khoản huy động, đóng góp</i>		<i>107.448</i>	
2	Thu chuyển giao ngân sách các cấp	-	9.729.054	
-	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		9.629.492	
+	<i>Bổ sung cân đối</i>	-	<i>4.578.187</i>	
+	<i>Bổ sung có mục tiêu</i>	-	<i>5.051.304</i>	
-	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		99.563	
3	Thu chuyển nguồn		- 10.576.856	
4	Kết dư ngân sách		315.411	
5	Thu vay của ngân sách địa phương		316.157	
C	Chi ngân sách địa phương	18.263.886	35.229.078	192,9
1	Chi đầu tư phát triển	8.513.415	7.823.821	91,9
2	Chi thường xuyên	8.672.539	8.700.546	100,3
3	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100,0

4	Chi dự phòng	382.562		
5	Chi chuyển nguồn và tiền thực hiện cải cách tiền lương	655.837	11.798.885	1.799,1
6	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới		6.755.633	
7	Chi nộp ngân sách cấp trên		113.171	
8	Chi trả nợ gốc và lãi, phí vay do chính quyền địa phương	38.533	36.022	93,5

Phụ lục V
QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU,
DỰ ÁN, MỘT SỐ NHIỆM VỤ KHÁC NGÂN SÁCH
NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 99 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022			Quyết toán	Trong đó					
		Tổng số	Trong đó			Cấp tỉnh	Trong đó		Cấp huyện	Trong đó	
			Dự toán giao đầu năm	Dự toán bổ sung trong năm			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp
	Tổng số:	2.783.338	2.059.952	723.386	1.787.769	1.478.596	1.318.088	160.508	309.174	227.108	82.065
A	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	506.829		506.829	294.235	27.070		27.070	267.165	227.108	40.057
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững	28.179		28.179	6.920	2.039		2.039	4.881		4.881
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới	228.730		228.730	173.080	14.295		14.295	158.786	139.722	19.063
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	249.920		249.920	114.235	10.736		10.736	103.498	87.386	16.113
B	Bổ sung có mục tiêu các chương trình, dự án	2.276.509	2.059.952	216.557	1.493.534	1.451.526	1.318.088	133.438	42.008		42.008
I	Vốn xây dựng cơ bản	2.112.883	1.960.883	152.000	1.318.088	1.318.088	1.318.088				

*	Vốn nước ngoài	355.200	355.200		301.559	301.559	301.559				
*	Vốn trong nước	1.757.683	1.605.683	152.000	1.016.528	1.016.528	1.016.528				
II	Vốn sự nghiệp	163.626	99.069	64.557	175.447	133.438		133.438	42.008		42.008
*	Vốn ngoài nước	1.860	1.860								
*	Vốn trong nước	161.766	97.209	64.557	175.447	133.438		133.438	42.008		42.008
1	Hỗ trợ thực hiện một số Đề án, Dự án khoa học và công nghệ		500								
2	Vốn dự bị động viên		15.000		15.000	15.000		15.000			
3	Kinh phí thực hiện Đề án bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội liên hiệp Phụ nữ các cấp và Chi hội trưởng Phụ nữ giai đoạn 2019 - 2025		203		203	203		203			
4	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông		34.500		34.454	29.285		29.285	5.170		5.170
5	Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ		47.006		46.671	46.671		46.671			
6	Chương trình hỗ trợ sáng tạo văn học nghệ thuật, báo chí theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 08/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ			700	340	340		340			
7	Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững			8.818							
8	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà			36.839	36.839				36.839		36.839

	cho người lao động										
9	Chương trình phát triển công tác xã hội, trợ giúp xã hội			18.200	17.534	17.534		17.534			
10	Dự án nâng cấp hệ thống mạng lưới quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên				24.406	24.406		24.406			

Phụ lục VI**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số 99 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu
đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>
A	Ngân sách cấp tỉnh			
I	Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh	11.592.973	20.252.789	174,7
1	Thu ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp	8.955.385	9.245.402	103,2
-	Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng	8.955.385	9.220.402	103,0
-	Các khoản huy động, đóng góp		25.000	
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	2.304.088	2.968.571	
3	Thu vay của ngân sách địa phương	333.500	316.157	
4	Thu kết dư		38.734	
5	Thu chuyển nguồn		7.683.925	
II	Chi ngân sách cấp tỉnh	11.592.973	20.066.748	173,1
1	Chi thuộc nhiệm vụ chi ngân sách tỉnh	7.931.975	14.721.534	185,6
2	Chi bổ sung cho ngân sách huyện, thành phố thuộc tỉnh	3.620.378	5.263.228	145,4
-	Bổ sung cân đối	3.620.378	3.577.044	98,8
-	Bổ sung có mục tiêu		1.686.184	
3	Phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản cấp trả huyện	25.500	48.526	190,3
4	Chi từ tiền bảo vệ lớp đất mặt	15.120	19.851	
5	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		13.608	
B	Ngân sách huyện, thành phố thuộc tỉnh			
I	Nguồn thu ngân sách huyện, thành phố thuộc tỉnh	10.331.911	14.757.532	142,8

1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	6.200.290	6.251.467	100,8
-	Ngân sách địa phương được hưởng theo tỷ lệ phân cấp	6.200.290	6.169.019	99,5
-	Các khoản huy động, đóng góp		82.448	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	3.620.378	5.263.228	145,4
-	Bổ sung cân đối	3.620.378	3.577.044	98,8
-	Bổ sung có mục tiêu		1.686.184	
3	Phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản ngân sách tỉnh cấp trả	25.500	48.526	190,3
4	Tiền bảo vệ lớp đất mặt	15.120	19.851	
5	Thu kết dư		276.678	
6	Thu chuyển nguồn	470.623	2.892.931	614,7
7	Thu bổ sung ngân sách cấp dưới nộp		4.850	
II	Chi ngân sách huyện, thành phố thuộc tỉnh	10.331.911	13.738.303	133,0

Phụ lục VII
QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
CHO NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 99 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Dự toán			Quyết toán			So sánh quyết toán/ dự toán (%)
		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		
			Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu		Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu	
		1	2	3	4	5	6	7=4/1
	Tổng số:	3.620.378	3.620.378	-	5.331.605	3.577.044	1.754.561	147,3
1	Thành phố Thái Nguyên	98.914	98.914		274.725	71.750	202.975	277,7
2	Thành phố Sông Công	168.041	168.041		250.294	157.223	93.072	148,9
3	Thành phố Phổ Yên	315.651	315.651		473.534	315.651	157.883	150,0
4	Huyện Định Hoá	540.588	540.588		765.405	540.588	224.817	141,6

5	Huyện Đại Từ	688.490	688.490		927.878	684.260	243.618	134,8
6	Huyện Phú Lương	423.699	423.699		532.142	422.578	109.565	125,6
7	Huyện Phú Bình	546.607	546.607		757.299	546.607	210.692	138,5
8	Huyện Võ Nhai	461.527	461.527		643.824	461.527	182.297	139,5
9	Huyện Đông Hy	376.860	376.860		706.505	376.860	329.645	187,5

Phụ lục VIII
CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022 TỈNH THÁI NGUYÊN
(Kèm theo Nghị quyết số 99 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Phần thu	Tổng số	Thu ngân sách tỉnh	Thu ngân sách huyện	Thu ngân sách xã	STT	Phần chi	Tổng số	Chi ngân sách tỉnh	Chi ngân sách huyện	Chi ngân sách xã
	1	2	3	4	5		6	7	8	9	10
	Tổng số thu	36.434.349	20.252.789	14.320.046	1.861.514		Tổng số chi	35.229.078	20.066.748	13.366.867	1.795.463
	Tổng số thu không bao gồm thu vay	36.118.192	19.936.632	14.320.046	1.861.514		Tổng số chi không bao gồm chi từ nguồn bội chi	34.912.921	19.750.591	13.366.867	1.795.463
A	Các khoản thu					A	Tổng số chi cân đối ngân sách	35.202.677	20.060.840	13.346.374	1.795.463
1	Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%	15.496.870	9.245.402	5.983.506	267.961	1	Chi đầu tư phát triển	7.823.821	3.016.538	4.294.959	512.324
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ					2	Chi trả lãi, phí vay	9.621	1.423	8.198	

3	Thu kết dư năm trước	315.411	38.734	239.115	37.562	3	Chi thường xuyên	8.700.546	2.908.539	4.712.486	1.079.521
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	10.576.856	7.683.925	2.760.969	131.962	4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000		
5	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	9.629.492	2.873.858	5.331.605	1.424.028	5	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	6.755.633	5.331.605	1.424.028	
	Tr.đó: - Bổ sung cân đối ngân sách	4.578.187	244.136	3.577.044	757.007		Tr.đó: - Bổ sung cân đối ngân sách	4.334.051	3.577.044	757.007	
	- Bổ sung có mục tiêu	5.051.304	2.629.722	1.754.561	667.021		- Bổ sung có mục tiêu	2.421.582	1.754.561	667.021	
6	Thu Ngân sách cấp dưới nộp	99.563	94.713	4.850		6	Chi chuyển nguồn sang năm sau	11.798.885	8.788.126	2.811.990	198.769
*	Kết dư ngân sách năm quyết toán	1.205.271	186.041	953.179	66.050	7	Chi nộp trả ngân sách cấp trên	113.171	13.608	94.713	4.850
*	Bội chi ngân sách địa phương	316.157	316.157			8	Các nhiệm vụ chi khác	-	-	-	-
B	Vay của ngân sách cấp tỉnh	316.157	316.157			B	Chi trả nợ gốc tiền vay	26.401	5.908	20.493	

CÔNG BÁO tỉnh Thái Nguyên là ấn phẩm chính thức của tỉnh Thái Nguyên dùng để công bố tất cả các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có giá trị pháp lý khác do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện ban hành. Thông tư số 01/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ: Hướng dẫn thực hiện quy định về Công báo tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Công báo tỉnh Thái Nguyên gồm có các số thường kỳ và Mục lục Công báo cuối năm; Công báo được phát hành trên phạm vi toàn tỉnh do Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên biên tập và thực hiện xuất bản.

Công báo điện tử tỉnh Thái Nguyên được thiết kế trên khổ giấy có kích thước 29 cm chiều dài x 20,5 cm chiều rộng. Trang bìa có in hình Quốc huy, Quốc hiệu của Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và chữ **CÔNG BÁO** màu đỏ; Công báo điện tử được phát hành tại địa chỉ Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THÁI NGUYÊN XUẤT BẢN

Địa chỉ: 16A, đường Nha Trang - TP. Thái Nguyên

Điện thoại: (0208).3 751 789

Fax: (0208).3 851 149

Email: portal@thainguyen.gov.vn

Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>